Năm thứ hai — Số 45
Tuần lễ từ thứ tư 22 đến thứ ba 28 Avril 1942

Tri tân

tạp chí văn-hoá ra hằng tuần

知新雜誌

TRONG SỐ NÀY :

Thúy-Kiều, Thúy-Vân bao nhiêu tuổi ? — Nguyễn Văn-Nho
Nhân ngày kỷ-niệm bà Jeanne d'Arc — Nhật-Nham
Truyện vua Đinh Tiên-hoàng (hết) — Ứng-Hoè Nguyễn Văn-Tố
Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ (XXIII) — Ứng-Hòe
Những ông nghè triều Lê (XVIII) — Nguyễn Văn-Tố
Những ngày «lịch-sử» trong tháng Avril (hết) — Long-Điền
Đáp ông Lan-Khai — T. S.
Một nghĩa-sĩ ở đời Trần-mạt — Thanh-Khê
Thoát cung vua Mạc (XVIII) — Cha-Thiên
Quân-cảng Gibraltar — Nhật-Nham
Việt-nam văn-học sử (XXV) — H. B.
Ôn-Như tiên-sinh đã tạ thế. — Song-Cối

REVUE
CULTURELLE HEBDOMADAIRE
195, RUE DU COTON, 195
HANOI

GIÁ BÁO :
mỗi số 16 xu
1 năm 6$80
6 tháng 3.50
3 tháng 1 80
Ngoại quốc và công sở gấp đôi giá

NHÂN NGÀY KỶ-NIỆM BÀ JEANNE D'ARC NƯỚC PHÁP

NHẬT-NHAM

MỘT kỷ trước, nhân ngày kỷ-niệm hai bà Trưng, Tri-Tân đã ra riêng một số chuyên-san nói rõ về lịch-sử và công-nghiệp hai vị nữ anh-hùng Nam-Việt: hai chị em bà Trưng-Chắc và Trưng-Nhị đã từng dấy binh đánh đuổi Tô-Định là Thứ-sử Giao-châu làm nhiều chính-sách bạo-ngược, và là kẻ giết quan huyện-lệnh Đặng thị-Sách (chồng bà Trưng-Chắc). Hai bà đã tung-hoành trong một cõi Lĩnh-Nam, hạ được 65 thành-trì dựng nên nghiệp đế, đóng đô ở Mê-Linh (Phong châu), có triều-đình, có chế-độ, có văn-quan, võ-tướng, có chỉnh-hình, lễ nhạc. Nhờ có hai bà, đồng-bào thoát-ly khỏi vòng đô-hộ người Đông-Hán. Hai bà sau khi làm vua được ba năm, bị tướng nhà Hán là Mã-Viện đem binh sang đánh, hai bà thất thế phải gieo mình xuống cửa sông Hát-Giang tuẫn-tiết. Rồi từ đó, sự-nghiệp oanh-liệt, khí-tiết trung-trinh của hai bà họ Trưng vẫn cùng non sông trường-thọ.

Lịch-sử hai vị nữ-kiệt Việt-nam đã được phô-diễn một cách rõ ràng. Nay nhân ngày kỷ niệm bà Jeanne d'Arc sắp tới, tưởng nên thuật lại huân-lao vị anh-thư nước Pháp đã làm cho thế-giới phải ngưỡng-mộ cũng như hai bà Trưng. Vị nữ-anh-hùng tây-phương đã đem gan dạ chống với hàng vạn mãnh-tướng hùng-binh Anh-cát-lợi, thu lại giang sơn thành-quách cho nước nhà, rồi vì tổ quốc phải hi-sinh tấm thân liễu yếu. So sánh thân-thế và sự-nghiệp tiền-nhân mình với vị nữ-kiệt nước Pháp, ta sẽ cùng chung một quan niệm: Tuy không cùng sinh một thời, không cùng chung một nước, tuy thân-thế có khác, nhưng sự-nghiệp không xa! Thân bồ vóc liễu, chân yếu, tay mềm, với một tấm đan-thành, với cái tài-lược cao cường, với cái trí-mưu thần-diệu, các bà đã can đảm lấy yếu thắng được mạnh, lấy ít địch được nhiều, tạo thành được cái sự-nghiệp cứu-quốc oanh-liệt hiển-hách. Các bà cũng cùng chung một kết cục, khẳng khái bỏ mình trọn nghĩa!

Cái gương can-đảm, tiết-tháo muôn năm còn lại, không một sức gì, một vật gì có thể làm mờ được.

Bà Jeanne d'Arc sinh-trưởng tại làng Domremy miền lưu-vực sông Meuse. Sống một đời hiu-quạnh, ngày ngày bà giúp thân-phụ chăn dắt đàn cừu trên cánh đồng cỏ.

Trong nước bỗng nổi cuộc chiến-tranh với Anh-cát-lợi. Trước sự tàn-phá của quân địch, bà rất đau thương. Bà vẫn thường được nghe dân trong miền ta-thán về sự hung-ngược của người Anh và chính mắt bà được chứng-kiến các làng bị đốt phá, đồng-bào bị địch-quân đuổi giết, anh em bà bị thương trở về. Bà nổi lòng công-phẫn và nuôi chí khôi-phục lại giang-sơn đất nước, và đánh đuổi quân Anh ra ngoài bờ cõi.

Năm 1429, bà Jeanne d'Arc mới 17 tuổi, đứng đầu một đội quân, thân-hành đến Chinon, xin vào yết kiến Pháp-hoàng và tình-nguyện đi chinh-phạt. Vua và các quan triều-thần đều ưng-chuẩn. Dân-chúng đều hưởng ứng với lòng nhiệt-thành ái-quốc của bà.

Chỉ-huy một toán quân rất ít, bà vào thành Orléans, khuyến khích đồng-bào nên dũng mãnh để chống lại quân địch. Đứng trước phong trào phản-động, quân Anh phải bỏ vây rút đi nơi khác (Mai 1429).

Cái chiến-công oanh-liệt ấy làm cho toàn-thể quốc-dân phấn khởi. Các nơi gửi tiền và cho quân-sĩ về giúp. Sức ngày một mạnh, bà bèn khởi thế công, cùng quân Anh nhiều phen quyết-liệt. Sau khi thắng địch-quân tại Patay, bà yêu-cầu nhà vua vào thành Reims để chịu lễ tấn-tôn.

Tháng Juillet 1429, cử-hành lễ theo như *thường-tục*: vua nước Pháp lên ngôi chính-thức hiệu là Charles VII.

Toàn-quốc hoan-nghênh hành-vi của bà Jeanne d'Arc trong việc tấn-tôn vua Charles VII, cho nên nhiều tỉnh miền bắc nước Pháp mong chóng được trở lại dưới quyền nhà vua. Nhưng vua Charles VII đã chán cuộc binh-đao, không muốn khôi-phục lại các tỉnh đã mất, phó thác cho bà Jeanne d'Arc tiến-hành công-cuộc trục-xuất người Anh mà không hề giúp đỡ và khuyến-khích gì cả.

ĐÔNG-TÂY THƯ QUÁN
195, phố hàng Bông Hanoi

Đã có bán

Mẹo chữ Hán

một cuốn sách mà ai ai dù đương học chữ Hán hay đã biết thông chữ Hán cũng đều phải xem

Giá 0$35 cước 0$06

Gửi bằng tem (có) cũng được. không gửi lối lĩnh hóa giao ngân

Vì vậy, bà bị thua trong trận Paris và bị thương. Rồi ít lâu, bà đánh quân Bourguignons, đồng-minh với quân Anh, để bảo-vệ tỉnh Compiègne..., không may bà bị bắt làm tù-binh !

Muốn trả thù các cuộc thất bại do bà gây nên và muốn lấy tín-nhiệm với quân-đội, người Anh mua bà với quân Bourguignons và giam bà tại Rouen. Quân Anh lập một phiên tòa xử bà Jeanne d'Arc vào tội tử-hình.

Vua nước Pháp do bà làm lễ tấn-tôn để lên ngôi chính-thức, chịu khoanh tay, không tìm phương-sách để cứu bà khỏi nạn.

Bà Jeanne d'Arc bị người Anh thiêu sống tại phố Chợ Cũ thành Rouen năm 1431.

Thế là một cô thiếu-nữ mới 12 tuổi, một cái tuổi còn ấp vú mẹ, đã sớm có một định-kiến là sẽ làm một việc mà nhiều người không làm được : Cứu quốc-gia khỏi vòng nước sôi lửa nóng; Một mình mình nghĩ, mình hay, không hề thổ-lộ với một ai, ngay đối với người có công sinh-dưỡng. Cái định-kiến ấy được bồi bổ trong sáu năm đến năm 18 tuổi, mới đem ra thực-hành. Thiếu-nữ đi khắp trong nước, qua những miền bị quân địch tàn-phá và trở nên hiu-quạnh, yết-kiến vua Charles VII, bước chân vào nơi chiến-địa, cùng quân địch «chỉ non tây thề chẳng đội trời chung». Xông pha tên đạn, giữa vòng gươm trăm giáo mác, vị anh-thư tuy bị thương luôn, nhưng không hề chán-nản, luôn luôn khuyến-khích các chiến-sĩ, vỗ về dân-chúng, khiến toàn quốc đều một lòng, một sức, dũng-mãnh chống nhau với quân địch.

Tấm thân liễu yếu đã làm cho lưỡi giáo kẻ thù phải cùn, đã bẻ gãy những ngọn kiếm sắc bên địch, để giải thoát cho đất nước.

Thế mà phần thưởng của cái sự-nghiệp oanh-liệt ấy không ngờ lại quá bạc bẽo !

Bị quân phản bắt nộp bên địch, bị quân địch hành-hạ, cám dỗ, nhưng cái nhiệt thành ái-quốc, cái nghị-lực hy-sinh không thể nhời ngon, giọng ngọt cám dỗ nổi, không một sức gì có thể thay đổi được ! Vị cân-quắc anh hùng nhất định vì vua, vì đồng-bào mà thác theo ngọn lửa cũng như vì vua, vì đồng-bào đã bao phen ra tử vào sinh !

Lúc sống đã can đảm mà sống, lúc chết lại tiết-thảo mà chết !

Một cô thiếu-nữ thơ-ngây, sinh-trưởng ở nơi thôn-ổ, công việc không ra ngoài nơi đồng nội, mà chỉ trong thời-gian rất ngắn, phá bức vách nhi-nữ thường-tình, mộ quân, kéo cờ khởi nghĩa, lấy yếu thắng mạnh, lấy ít chống nhiều !

Thử hỏi : từ đâu đã phát-sinh ra cái phách-lực ấy ?

— Cái lòng thương nước đến cùng cực !

Phải ! quốc-gia người Pháp phát-sinh từ tâm-can một vị nữ anh-hùng đã tốn bao huyết-lệ để xây đắp nền tảng cho xã-hội.

Nay ta thử kê-cứu xem những hành-trạng bà Jeanne d'Arc từ hồi thế-kỷ thập ngũ đã đem lại những kết quả gì cho nước Pháp ?

Ta hãy đặt câu hỏi : nước Pháp đã chịu ơn bà Jeanne d'Arc những gì ?

Trước hết, nhờ có bà Jeanne d'Arc, nước Pháp mới còn tới ngày nay, nước Pháp mới thành một xã-hội, một quốc-gia. Trước hồi bà xuất-hiện, thuyết quốc-gia là một điều rất mơ-hồ, phức-tạp, không mấy ai để ý tới.

Hai chữ quốc-gia mới được nói đến lần đầu trong cuốn lịch-sử Charles VII của Jean Chartier viết năm 1449.

Tuy vậy, hơn hết các dân-tộc, dân-tộc Pháp đã sớm có tinh-thần đoàn-kết quốc-gia. Theo thời-gian, qua đời nọ đến đời kia, sự đoàn-thể quốc-gia đã được tài-bồi bằng năng-lực, và theo lòng tin-tưởng vào nền trật-tự của vũ-trụ.

Bản đồ nước Pháp đã tạo nên nền thống-nhất nước Pháp từ bắc xuống nam, từ núi Alpes đến núi Pyrénées, giữa bể Manche và Địa-trung-hải, cái mầm quốc-gia đã được vun bón, dần dần thành cây to, cành cả, sinh chồi, nẩy lộc. Cái sinh-lực ấy là nhờ có đất phì-nhiêu, có khí-hậu ôn-nhuận, có nhiều khu-vực an-bài quanh một trung-tâm như những tia sáng của một ngôi sao : ngôi sao Đại-Pháp !

Trong các cuộc viễn-chinh, trên những con đường xa muôn dặm, các chiến-sĩ đã từng phen cùng nhau sát cánh, mạnh bạo giong ruổi tới nơi chiến-địa, cùng ôm một mục-đích, không phân-biệt là người Normands, Catalans, Touran-geaux, Picards, Provenceaux, Gas-cons, Bretons, vì tuy ở khác miền nhưng cũng cùng trong một nước, cũng vẫn là dân nước Pháp.

Không có một vùng nào, từ hang cùng ngõ hẻm, từ nơi sơn-cước đến miền đồng-bằng, từ thôn-quê đến kẻ chợ, là không phát-xuất cái ý-nguyện thống-nhất quốc-gia.

Ta hãy trở lại với cái tình-hình nước Pháp trong năm 1429, năm bà Jeanne d'Arc xuất-hiện trên đàn lịch-sử.

Một cuộc chiến-tranh giữa nước Pháp và nước Anh vô cùng khốc-liệt, kéo dài đã gần trăm năm !

Giới quý-phái Pháp đã bị giẫy sẻo, gần như tiêu-diệt.

Từ Crécy đến Poitiers, từ Azincourt đến Verneuil, thây các chiến-sĩ nằm ngổn ngang khắp trên mặt đất. Còn kẻ nào sống sót trong

Xem tiếp trang 8

Trẻ con thuộc A B C rồi nên cho chúng học ở quyển

VẠN VĂN BÁCH TUYỂN

của ông Dương-Tụ-Quán

Sách biên tập rất tốt, hợp với trình độ, trẻ từ dễ đến khó, đã được hội đồng duyệt y cho dùng trong các trường công tư khắp Đông-Pháp

Mới in lại lần thứ 7 — Giá 0p50 — Cước 0p10

Thúy-Kiều, Thúy-Vân bao nhiêu tuổi ?

NGUYỄN VĂN-NHO

THEO câu « *xuân xanh xấp-xỉ tới tuần cập-kê* » và theo lời giảng của nhiều nhà chú-thích, phần đông độc-giả, như tôi, phỏng đoán ba chị em cô Kiều độ mười lam, mười bốn, mười ba. Bản của ông Bùi Khánh-Diễn : « *Thiên Khúc-lễ, kinh Lễ, con gái mười lăm tuổi cài trâm, đặt tên chữ* » (*nữ tử thập ngũ tuế, kê nhi tự*).

Bản của ông Huyen-Mặc đạo-nhơn, xuất-bản ở Saigon : *Cập-kê là đến tuổi cài trâm. Cổ lễ tàu : con gái tới mười lăm tuổi thì cài trâm, và đặt tên tự.*

Bản của ông Bùi-Kỷ và ông Trần Trọng-Kim : *Cập-kê là chữ kinh Lễ, con gái đến mười lăm tuổi búi tóc và cài cái kê cũng tựa cái trâm, nghĩa là từ đó đã thành người khôn lớn.*

Trong *Tri-Tân* số 42 ông Lê-Thước cho rằng hiểu như vậy là lầm. Ông muốn căn-cứ vào ba lý :

1 Những tuổi ấy không hợp thích với ngôn-ngữ, cử-chỉ hành-vi của ba nhân-vật

2 Rồi ông giảng nghĩa hai chữ *cập kê. Hai chữ « cập kê » theo cổ lễ, thì chỉ 15 tuổi, song về sau 20 tuổi cũng nói được. Trong bộ Từ-hải có chép ro rằng : « Nữ-tử hứa giá, kê nhi tự chi ; kỳ vị hứa giá, nhị thập tắc kê » Nghĩa là « con gái đã hứa gả chồng thì cài trâm và đặt tên chữ ; còn con gái chưa hứa gả chồng thì hai mươi tuổi cũng cài trâm. »*

3 Tin rằng quyển *Kim-Vân-Kiều* của *Nguyễn-Du* nguồn gốc ở quyển *Kim-Vân-Kiều truyện* của Tàu mà ra, ông đem so-sánh hai quyển với nhau, để giải-quyết ít nhiều nghi-án. Nói về tuổi của Kim-Trọng thì nguyên truyện chép « *Niên phương nhược quán* » ; về tuổi của Thúy-Kiều nguyên truyện chép : « *Niên câu diệu linh*». « *Theo sách Lễ-ký thì « nhược quán », xưa chính là 20 tuổi, nhưng về sau thì trong sự ứng-dụng muốn nói hơn kém 20 tuổi đều được. Vậy thì Kim-Trọng lúc gặp cô Kiều đã 20 tuổi hoặc hơn. Còn hai chữ « diệu linh » thì cũng nghĩa như thiếu niên, không xác chỉ là mấy tuổi (diệu là tốt đẹp, non nẻo ; linh là tuổi. Diệu linh nghĩa là cái tuổi đang trẻ trung tốt đẹp). Cứ lệ thường thì «diệu linh» hoặc «thiếu niên» là cái tuổi từ 18 đến 20. Vậy thì cô Kiều lúc gặp Kim-Trọng phỏng độ 20 tuổi* »

Nói tóm lại, ông quả quyết rằng hai chị em cô Kiều, xuân xanh độ 19, 20, cái tuổi ấy mới hợp với những cảm-giác và tư-tưởng của hai nhân vật.

Vậy Thúy-Kiều mười lăm tuổi, theo sự hiểu thông-thường ? hay là mười chín, hai mươi, theo cách dẫn-giải của ông Lê-Thước ?

Tôi làm việc ở một nơi để tìm tài-liệu để góp thành một bộ «Phong Tình *Kim* lục » hơn là để thuyết minh một ý-kiến mới với những bằng-chứng lấy ở cổ-điển. Trước cái vẻ uy-nghi của những văn-liệu mà ông Lê Thước đã liệt ra, tôi muốn tìm ngay ông, nhưng khốn đổi lại còn những nhân-vật ở trong các tác-phẩm khác đồng thời với quyển Thúy Kiều, hay là trước hay là sau. Tuổi của những nhân-vật ấy chỉ rất rõ ràng hoặc là tuổi «*trăng tròn*» nghĩa là mười lăm, hoặc tuổi «*đôi tám*» nghĩa là mười sáu.

Hoa-Tiên : « Thái Cơ họ Mã *trăng kỷ tròn* khuyên.
... Gạo-Tiên đồn khắp châu đây,
Tuổi chừng *đôi tám*, xuân nay chưa nhiều. »

Lục-vân-Tiên : « Có người ở quận Đông-thành,
Tu nhơn tích đức sớm sanh con hiền.
Đặt tên là Lục-vân-Tiên,
Tuổi vừa *đôi tám*, tánh chuyên học hành. »

Một bài thơ cổ về thế-kỷ thứ 18 nói về Trưng-Chắc, theo bản chép của ông Nguyễn văn-Tố trong Tri-Tân số 36 :

« Dòng nhà Lạc-tướng sanh ra,
Tuổi vừa *đôi tám* còn hòa thiếu đôi. »

Ả bán chiếu của Nguyễn-Trãi :
« Tôi ở Tây-hồ bán chiếu gon,
Nỗi chi ông hỏi hết hay còn ?
Xuân thu tuổi mới *trăng tròn lẻ*
Chồng còn chưa có, có chi con !»
Phú *Mẹ ơi con muốn lấy chồng !*
Mừng thủa gặp thời, tơ liễu chi chừng đôi tám ; sợ chi quá lứa, quả mai chi rụng bảy ba.

Ca-dao : « Quả cau nho nhỏ, cái vỏ vân-vân, nay anh học gần, mai anh học xa, lấy anh từ thuở *mười ba*, đến năm *mười tám* em đã năm con ».

Luật Gia-long định tuổi thành-hôn của con trai là 16, của con gái là 14 lục thường cho rằng quá 17 18 là đã lỡ thời, quá lứa.

Tới đây tôi muốn đặt hai câu hỏi để vấn-nạn ông Lê-Thước : một là cô con gái hai mươi tuổi cài trâm trong bộ «Từ hải» mà ông đã dẫn ra là cô gái mới tới tuổi thành hôn hay là cô gái đã lỡ thời rồi ? hai là nên cho rằng nàng Thúy-Kiều cũng như nàng Thái-Cơ, nàng Gạo Tiên. cũng như các nam thanh nữ tú trong các truyện cũ, đồng thời đồng quan niệm, đồng tư-

xem tiếp trang 9

TRUYỆN VUA ĐINH TIÊN-HOÀNG (968-979)

Bài hết

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ sao-lục

XX. — Đinh-Hoàng và Đinh-Liễn bị giết

Chẳng ngờ người kẻ Đại-đế,
Là người Đỗ-Thích nó đi nhạc-hầu.
Ơn nuôi được dự ra vào,
Bề trên yêu đãi, hôm dao triều gần.
Nó đi đánh thuế nhà dân,
Ban đêm nằm mát ngoài sân một mình.
Hư-không thấy một lưu-tinh,
Sa vào miệng nó, nghĩ mình nó nên.
Tới thuở được ra vào đền,
Đom-đóm tranh đèn, ước sáng mọi phương
Tiên-Hoàng đêm ngự sân vàng.
Thưởng thu nhớ sự Minh-hoàng chơi giăng,
Vui nhân quá chén Đỗ-Lăng,
Vua cùng thái-tử nghỉ bằng ngoài thềm.
Đỗ-Thích nó nhòm biết tin,
Leo thành nín nặng, nó len mình vào.
Tiên-Hoàng mải giấc chiêm bao,
Nó liền đâm tuốt một dao đôi người.
Vua cùng thái-tử hòa đôi,
Cùng nằm song-sóng, thác nơi bên thềm (1).

XXI. — Bặc, Điền giết Đỗ-Thích, tôn Đinh-Toàn làm vua

Thái-úy Nguyễn-Bặc, Đinh-Điền,
Đem quân nã-tróc bốn bên nội-thành.
Bắt được Đỗ-Thích chính-danh,
Diệt hòa tôn-tộc một manh chẳng còn.
Thôi bèn thu liễm kiền-khôn,
Tiên-Hoàng thái-tử tàng ngàn Hoa-lư.
Một Hoàn ra dạ thờ-ơ,
Có tình ngấp-nghé, muốn cơ vẫy vùng.
Từ ngày Thích phạm mình rồng,
Ý Hoàn chấp-chửng có lòng minh âm.
Trong nhà thầy tớ nói thầm :
« Đỗ-Thích nó làm gãi chỗ ngứa tao ! »
Ngày sau văn-võ hòa triều,
Tôn phò thứ-tử xem triều quốc-gia.
Đại-thần phụ-tá vào ra,
Tên là Đinh-Duệ (2) còn thơ ấu-trùng.
Ai ai khuya-sớm một lòng,
Rắp như Chu Triệu, nhị công cùng hòa.

XXII. — Dương-hậu thông-giao với Lê Hoàn

Chẳng ngờ Dương-hậu dâm-tà,
Sẵy chồng ra thói giăng-hoa loạn thường.
Gót hèn giồi phấn điểm trang,
Thướt-tha ăn mặc, vẻ-vang nói cười.
Tìm trong vẽ mặt cắt tay,
Trăm nghìn chưa được một hai đâu là.
Những tuồng khúm-núm cho qua,
Ngoài tuy kết giới, trong đà phá môn.
Thương thay tang-phục hãy còn,
Nghĩa chồng đạo chúa bỏ chôn đường nào
Bèn cùng Lê-tướng thông-giao,
Cung-cấm ra vào, khí-vũ đồng-liêu.
Lộng-quyền lại được hậu yêu,
Mướp sơ thêm đắng, lí nào chẳng sai !
Binh-quyền mặc nghĩ trong ngoài,
Yêu ai thì cất, ghét ai thì dìm.
Đại-thần lo-lắng ngày đêm,
Chước nào nhổ được dằm lim ra rày ?
Nghĩ xưng làm phó-tướng nay,
Xem vua phế-đế chẳng tày đạo con.

XXIII. — Bặc, Điền định đánh Lê-Hoàn

Xem Đinh thế đã chon-von,
Nguyễn-Bặc Đinh-Điền biết ý bảo nhau.
« Tham dâm hoàng-hậu hay đâu,
« Lê-tướng thấy hầu chẳng biết con thơ.
« Chúng ta tôi cũ thuở xưa,
« Mặt nào địa hạ thấy vua Tiên-Hoàng.
« Tử sinh thề có xanh vàng,
« Trượng-phu bao lụy, phô đường bất-nhân.
« Liều mình giả nợ tiên-quân,
« Ra binh tử-đệ, đón ngăn Lê-Hoàn.
« Tướng quân ở trước trăm quan.
Chẳng toan vì nước, sắm toan nên lòng. »
Hoàn rằng : « Già lẫn nói dong. »
« Ai dễ dám lòng làm phản mà lo ? »
Hoàn mong giở mặt bấy giờ,
Lại lòng thương nể thuở xưa đồng-triều.
Lấy làm chẳng xá hôm dao,
Bốn người lại nhịn, nói nhau thuận-hòa (3).

XXIV. — Lê-Hoàn làm vua thay Đinh-Toàn

Lữa-lần tháng trọn ngày qua,
Tống sai Nhân-Bảo nó hòa đem binh.
Đều lòng kết-hảo Chiêm-thành (4),
Thấy trong trung quốc bất-bình chúa tôi.
Thư vào cáo cấp tới nơi,
Bấy chày thái-hậu liền sai Lê-Hoàn,
Ấn phong làm thập-đạo quyền,
Một tram tướng thuộc, mười vàn tinh-binh,
Hoa-lư từ đấy khởi trình,
Tinh-kỳ lá rợp, quân binh chật ngàn.
Giữa đường ban tối đóng đoàn,
Quan quân cả bè cùng toan rằng vầy.
« Bây giờ chúa ấu thơ ngây,
« Xem xưa Sài-thị mới rày bảo nhau.
« Dẫu phá được giặc chưng sau,
« Thửa công-lênh ấy, ai hầu kể cho ?
« Trần-Kiều thủ-tín thuở xưa,
« Tống-hoàng sư ấy, bây giờ phải chi ! »
Dưới trên thảy-thảy cùng nghe,
Bèn tôn Thập-đạo thay vì nhị Đinh.
Binh trở lại Hoa-lư thành,
Quan quân đâu đấy phục tình làm tôi (5)
Số trong còn có bốn người.
Dấy từ thuở nhỏ, theo đòi tiên-vương.
Từ ngày sầy mặt Đinh-Hoàng,
Thấy con chúa ấu, lòng còn riêng lo.
Dương-hậu ra dạ dâm-ô.
Vun giồng Thập-đạo, bây giờ cướp ngôi.
Còn mặt mũi nào mà coi !
Lòng người chẳng biết, lòng giời đã hay.
Tuyệt hơi cho kẻo lấm tay,
Lê-Hoàn cám cảnh, mặt dầy làm thinh.
Dương-Hậu từ nghe biết tình,
Sửa-sang dù-tán sắm-sanh cồn-bào.
Hoàn đến, hậu bước ra chào,
Tỉ phù hoàng-việt cất trao Lê-Hoàn.
Lập đền lên Bảo-thái sơn (6),
Định đô thôi đã trăm quan vào trầu...
Cự-Lạng Tử-An bèn tâu (7) :
Giáng phong thiếu-đế tước hầu Vệ-vương (8).

(Trích ở quyển *Thiên-Nam ngữ-lục ngoại-kỷ*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số A B 478, tờ 66b-68b)

Cung-Học NGUYỄN VĂN-TỐ biên-tập

1) *Đại-Việt sử-ký tiền-biên* (bản-kỷ, quyển 1, tờ 8 a b) chép : « mùa đông tháng mười năm kỷ-mão (979) chi-hậu nội-nhân là Đỗ-Thích giết vua Đinh Tiên-Hoàng và Nam-Việt vương Liễn-Lữ Định quốc-công là Nguyễn-Bặc giết được Đỗ-Thích. Khi trước Đỗ-Thích (người làng Đại-đê, huyện Thiên-bản) làm Đồng-quan lại (*Việt-sử cương-mục*, chính-biên, quyển 1, tờ 8 b, không xét được Đồng-quan là đâu), đêm nằm trên cầu chợt thấy sao sa vào miệng, cho là điềm tốt, ngầm toan cơ-đồ nhớn, đến tháng mười năm kỷ-mão (979) nhân vua Tiên-Hoàng ăn yến đêm, nằm trong sân cung, bèn giết Vua và Nam-Việt vương Liễn. Lúc bấy giờ bắt đầu nghịch-tặc rất gấp. Đỗ-Thích nằm nép ở cái máng trong cung, hơn ba ngày khát quá, gặp mưa thò tay hứng nước uống : cung-nữ trông thấy, bảo Bặc ; Bặc sai người bắt chém, tan xương nát thịt, người trong nước ai cũng tranh nhau ăn ». *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, bản-kỷ, quyển 1, tờ 6 a, chép thêm một câu rằng : « chia cho người trong nước ăn, chẳng ai là chẳng tranh ăn ». *Việt-sử cương-mục* (chính-biên, quyển 1, tờ 8 b) chỉ chép : « Bặc bắt chém bèn cùng lũ Đinh-Điền, Lê-Hoàn phụng Vệ-vương là Toàn lên ngôi, truy-tôn vua Đinh là Tiên-hoàng-đế. Vua Đinh lên ngôi mười hai năm (968-979), thọ năm mươi sáu tuổi », táng ở Trường-yên, trên núi Mã-yên (Ninh-bình).

2) Tên húy Vệ-vương là Đinh-Toàn (hoặc Tuyền, hoặc Duệ). Toàn là con thứ vua Tiên-hoàng, lên ngôi tám tháng. Lê-Hoàn (980-1005) cướp ngôi, giáng-phong là Vệ-vương như trước cũ, thọ mười tám tuổi (*Đại-Việt sử-ký tiền-biên*, bản-kỷ, quyển 1, tờ 9 a ; *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, bản-kỷ, quyển 1, tờ 7 a).

3) Đoạn này chính sử chép hơi khác. Theo quyển *Đại-Việt sử-ký tiền-biên* (bản-kỷ, quyển 1, tờ 10 b), thì « Lê-Hoàn nhiếp chính, xưng là phó-vương. Định quốc-công là Nguyễn-Bặc, ngoại-giáp là Đinh-Điền (người Hoa-lư) Phạm-Hạp (người Nam-sách) khởi binh đánh Hoàn không được, bị chết. Bấy giờ vua Đinh Toàn (979-980) nối ngôi, mới lên sáu : lũ Điền đều là đại-thần phụ-chính. Duy một mình Hoàn coi quân-lữ, được ra vào trong cung cấm : thái-hậu trông thấy phải lòng, sai quyền nhiếp làm việc như Chu-công. Hoàn giữ quân-quốc, lại cậy thái-hậu yêu, khinh-dể kẻ cùng hàng, không kiêng-nể ai. Điền, Hạp nhiều điều không bằng lòng, cùng nhau mưu rằng : « Thái-hậu nội-loạn, Hoàn có nhẽ không lợi cho vua nhỏ. Lũ ta chịu ơn sâu của nước : nếu chẳng sớm làm sạch bên cạnh vua để tuyệt gốc loạn, thì mặt mũi nào trông thấy đứng Tiên-đế ở dưới suối vàng ! » Bèn cùng đem nhau khởi binh, chia thủy lục hai đường, đến kinh-sư muốn giết Lê-Hoàn. Thái-hậu nghe thấy, sợ bảo Hoàn rằng : « Lũ Bặc khởi loạn, kinh-động bang-gia. Vua nhỏ thơ ngây, chưa kham hoạn-nạn : ông nên lo-toan ». Hoàn thưa rằng : « Tôi làm nhiếp-phó, chết sống họa biến, trách-nhiệm ở tôi ». Bèn sửa-sang quân-đội, cùng Bặc Điền đánh nhau ở Tây-đô (Ái-châu, xem nhời bàn trong *Việt-sử cương-mục*, chính biên, quyển 1, tờ 10b). Lũ Bặc thua chạy, lại đem thuyền quân tiến đánh. Hoàn nhân gió đốt lửa, cháy cả chiến-hạm. Điền chết ở trận. Bặc bị đóng cũi, đưa về kinh-sư, Hoàn kể tội rằng : « Đứng Tiên-đế mắc nạn : thần và người còn lấy làm tức giận. Mày làm thần-tử, nhân khi tàng loạn, gây sự đánh nhau, nghĩa thần-tử, lại như thế ư ? Bặc, Điền đã thua, thế quân của Hạp bị kém, chạy tan đến làng Cát-lợi (Bắc-giang). Hoàn đem quân đuổi bắt đem về. Xét đặt-sử, Hoàn mới nhiếp-chính, lũ Bặc biết Hoàn thế nào cũng cướp ngôi, đem tử-đệ đón Hoàn ở đường, lấy đại-nghĩa trách Hoàn và định tuần-tiết.

Hoàn tạ lỗi rằng : « Các ông nhầm, trông tôi có phải là người làm phản đâu ? » Nói đoạn, cùng nhau tỏ ý thân-thiết rồi về. Song đều có chí lừa khe nhau. Kịp khi Hoàn đem quân vào nội, được truyền ngôi, lũ Bặc theo nghĩa không chịu khuất, đều trốn đi, Hoàn cũng không hỏi đến. Đoạn ấy cùng với chính-sử khác hẳn, chép để còn ngờ ».

4) Chiêm-thành (Champa) tức là Lâm-ấp ngày xưa : *Việt-sử cương-mục* chua ở tiền-biên thuộc Tấn Mục-đế năm Vĩnh-hòa thứ chín (tức là năm 353 sau kỷ-nguyên). *Đại-Việt sử-ký tiền-biên* (bản-kỷ, quyển 1, tờ 12b) chép việc sau này nói về Chiêm-thành, xét ra có quan-hệ với vua Đinh Tiên-Hoàng : « Ngô Nhật-Khánh đem người Chiêm vào ăn cướp nước ta. Nhật-Khánh là dòng dõi tiên chúa Ngô Quyền (939 944). Lúc đầu xưng là An vương, cùng với mười hai xứ quân đều giữ cõi đất. Tiên Hoàng đánh được yên, lấy mẹ hắn làm hậu (vợ vua), con gái hắn làm phu nhân cho Nam Việt vương Liễn ; như thế hãy còn sợ oán vọng sinh biến, lại phải đem công chúa gả cho hắn. Nhưng Nhật Khánh trong lòng vẫn bất bình, đem vợ chạy đi Chiêm-thành, đến Nam giới hải môn (ở Thiên-lộc Thạch hà, chỗ hai huyện chia bờ cõi), rút con dao đeo, vạch vào má công chúa, kể rằng : Cha mày dối hiếp mẹ con ta, ta há vì mày mà quên thù ư ? Mày trở về, ta lấy người khác để tìm người có thể cứu giúp ta. » Nói xong, bèn đi. Đến năm kỷ-mão (979) nghe vua Tiên-hoàng mất, đem người Chiêm vào cướp. Vua nước Chiêm là Ba-mĩ-thuế-dương-bố ân-trà (Paramecvaravarman đệ nhất, xem quyển *Le royaume de Champa* của ông G. Maspero, trang 121-123) lợi-dụng nước ta có chuyện đem hơn nghìn chiếc thuyền quân, theo đường bể tiến lên, muốn đánh thành Hoa-lư, đi qua hai cửa bể Đại-nha (Đại-an) và Tiểu-khang (Kiền hải-khẩu, Ninh-bình), hơn một đêm, gặp cơn gió nhớn, thuyền đều chìm đắm : Nhật-Khánh và người Chiêm đều chết đuối, duy có thuyền vua Chiêm thoát nạn. Vua Chiêm thu những quân sống sót đem về. » *Đại-Việt sử ký toàn thư* (bản-kỷ, quyển 1, tờ 8b) và *Việt-sử cương-mục* (chính-biên, quyển 1, tờ 11a-12a) cũng chép truyện Nhật-khánh như thế. *Cương-mục* chua « Nhật - Khánh là người Đường-lâm, Đường-lâm nay là xã Cam-lâm, thuộc huyện Phúc-thọ, tỉnh Sơn-tây ».

5) Về việc nhà Tống định sang lấn, *Đại-việt sử-ký tiền-biên* (bản-kỷ, quyển 1, tờ 13a) chép như thế này : « Năm canh-thìn 980, phế-đế theo niên-hiệu Thái-bình thứ mười một ; từ tháng này giở đi là Lê Đại-Hành, Thiên-phúc năm thứ nhất. Mùa thu tháng bảy nhà Tống sai sứ là lũ Hầu Nhân-Bảo đem quân đến xâm-phạm. Trước đây (mùa hè tháng sau) quân nhà Tống ở Ung-châu (thuộc Quảng-tây) là Hầu nhân-Bảo tâu với vua nhà Tống rằng : « Giao-chỉ quận vương của con đều bị giết, nước ấy sắp mất, nên nhân lúc này đem quân đánh lấy. Bỏ dịp này chẳng tính, sợ mất cơ hội, xin đến cửa quyết bầy tỏ tình trạng nên lấy ». Vua nhà Tống mừng, sai vời về ngay. Lư Đa-Tốn nói : « Giao-châu nội loạn : đó là lúc giời làm mất. Triều-đình ta xuất kỳ bất ý, dùng quân đánh úp, như là tiếng sấm đùng một cái chẳng kịp che tai. Nếu gọi Nhân Bảo về trước, mưu ấy tiết lộ, kẻ kia (là nước Đại Cồ-việt phòng bị, thì thế được thua chưa thể biết được. Chẳng bằng là trao cho Nhân-Bảo chức Phi-vũ, sai sửa-sang công-việc, truyền-tướng, đem ba vạn quân ở Kinh Hồ, giong-ruổi mà tiến, thế chắc vạn toàn, hẳn không lo gì phí mất mũi tên ! » Vua nhà Tống cho là phải, đến đây (là tháng bảy), lấy Nhân - Bảo làm Giao - châu thủy-lục truyền vận sứ, Tôn Toàn-Hưng làm Lan-lăng đoàn-huyện-sứ, Thích Thủ Tuấn làm Tất-tác sứ, Trần Khâm-Tộ làm Yên-bì khố-sứ, Tả-giám-môn tướng-quân là Thôi-Lượng làm Binh-mã đô-bộ-thự ở Ung-châu lộ, Lưu-Trừng làm Ninh châu thứ-sử, Giả-Thực làm Quân-khí-khố phó-sứ, Cung-phụng quan Hạp-môn chi-hậu là Vương-Soạn làm Binh-mã đô-bộ-thự ở Quảng-châu lộ (chỗ chép là Liêm-châu). hưng chiếu cho Toàn-Hưng, Trương-Tuấn, Thôi-Lượng, đem quân đường bộ từ Ung-châu vào ; lũ Lưu-Trừng, Giả-Thực, Vương-Soạn đem quân đường thủy từ Quảng-châu vào, hẹn ngày lại xâm chiếm. Dương Thái-hậu sai Lê-Hoàn đem quân ra chống-cự với nhà Tống. Hoàn tự lập làm hoàng đế, bỏ vua Đinh-Toàn làm Vệ-vương, Lúc bấy giờ ở Lạng-châu (tức là Lạng-sơn bây giờ) nghe quân nhà Tống sắp đến, sợ đem tình-trạng tâu vua nghe. Thái-hậu sai Lê-Hoàn kén dũng-sĩ chống-cự, lấy người ở Nam-sách giang là Phạm-cự-Lạng làm đại-tướng quân, hai người bàn kế xuất quân. Cự-lạng cùng mọi tướng đều mặc đồ nhung phục, thẳng vào trong phủ bảo chúng rằng : « Thưởng kẻ có công mà giết kẻ không theo mệnh, là phép sáng của việc quân. Nay chúa-thượng ấu-nhược, lũ chúng ta tuy hết sức liều chết, chống với kẻ ngoại-vũ (kẻ ngoài khinh-đề), nếu có chút công nào thì ai biết cho ? Chẳng bằng trước hãy tôn Thập-đạo làm thiên-tử, rồi sau sẽ ra quân ». Quân sĩ đều hô vạn tuế. Thái-hậu nghe thấy, sai hữu-ti đem lễ-bộ đến Hoàn vào cung, lấy áo long-cổn khoác vào mình Hoàn, mời lên ngai. Hoàn bèn lên ngôi hoàng-đế, đổi niên-hiệu Thiên-phúc, giáng phong thiếu-đế làm Vệ-vương như trước cũ ».

6) Quyển *Thiên-nam ngữ-lục* chua sáu chữ : (Thanh-liêm huyện, Bảo-thái xã. (Bảo-thái nay là làng Ninh-thái ở tỉnh Hà-nam. *Việt-sử cương-mục* (chính-biên, quyển 2, tờ 9-10a) chép rằng : « Mùa thu tháng bảy năm canh-tuất Thuận-thiên thứ nhất (1010) Lý-Thái-Tổ (1009-1028) dời đô ra Thăng long (Hà-nội). Vì cho thành Hoa-lư chật-hẹp, muốn dời, dụ quần thần rằng nhà Thương năm lần dời kinh-đô, nhà Chu ba lần, đều là trên vâng mệnh giời, dưới theo chí dân, làm kế muôn đời. Gần đây nhà Đinh (968 980), nhà Lê (980-1009) theo ý riêng, yên chỗ ở, không nghĩ kế lo xa, cho nên hưởng nước không được lâu dài... » v. v. *Cương-mục* thêm một câu rằng : « Vua Lý thái-Tổ từ thành Hoa lư dời kinh đô ra thành Đại la (Thăng-long) ». Như thế thì kinh đô nhà Tiền Lê vẫn ở Hoa-lư, chứ không phải ở Bảo-thái, như thời chép trong *Thiên-nam ngữ-lục*.

7) « Sử thần Nguyễn Nghiêm (đỗ khoa tấn hợi đời Lê Vĩnh-khánh, 1731) bàn rằng : « Xét sự thế bấy giờ, Thập-đạo đó là một Điểm-kiểm thứ hai, Phủ-trung đó là một Trần-kiều thứ hai, Phạm-cự-Lạng đó là một Thạch-thủ-Tín thứ hai : cái tội thoán-nghịch không đợi phiền đến răng-lợi người ta ! Lại xét Cự Lạng là người Chí-linh, ông nội là Thiêm, thờ Ngô-vương làm Đồng giáp tướng quân, cha là Mạn làm quan nhà Nam-tấn đến chức tham-chính đô-đốc. Thời Đinh tiên-Hoàng, anh lấy Hạp làm vệ-úy, cùng Nguyễn Bặc, Đinh-Điền cùng mưu xướng nghĩa ; thế Hạp có phải là anh Cự Lạng không. Nay Cự trái nghĩa mưu lợi, mờ-mịt tối-tăm, coi anh

là người thế nào ? *Tạp-truyện* chép Cự-Lạng sau khi mất, Thượng-đế bổ làm Nam-đài chủ-nghi-ngục. Đến nay những nơi công-sảnh đều thờ làm ngục chủ, gọi là Hồng thành đại-vương, tại làm sao mà được báo ứng như thế ». (*Đại-việt sử-ký tiền biên*, bản kỷ, quyển 1, tờ 14 a-b).

8) Quyển *Thiên-nam ngữ-lục ngoại-kỷ* (tờ 66 b) chép bài sấm sau này vào truyện nhà Đinh, tuy bài sấm không dính dáng gì với vua Đinh tiên Hoàng. Quyển *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* (quyển 1, tờ 31 a) thì chép vào truyện Lê ngọa-triều. Nguyên văn chữ Hán như thế này : « Thụ căn diễu-diễu, mộc biểu thanh-thanh. Hòa đao mộc lạc, Thập bát tử thành. Đông a nhập địa, Dị mộc tái sinh. Thấn-cung hiện nhật, Đoài-cung ẩn tinh. Lục thất niên gian, Thiên hạ thái bình », nghĩa là rễ cây héo kéo, ngọn cây xanh xanh ; cây hòa đao rụng, mười tám gã thành ; họ Đông-a vào cõi, cây lạ lại sinh ; cung chấn mặt giời mọc, cung đoài sao ẩn tinh, trong khoảng sáu bảy năm, thiên hạ được thái bình. Quyển *Đại-Việt sử-kytoan-thư* chép rằng sự Vạn-hạnh cắt nghĩa bài sấm ấy như thế này. « Thụ căn diễu-diễu ». căn là gốc, gốc ví vua, điều đồng âm với yểu là chết non ; vua Lê-long-Đĩnh (tức Ngọa-triều, 1005-1009) chết non. « mộc biểu thanh thanh ». biểu là ngọn, ngọn ví bầy tôi ; thanh là xanh cùng tiếng với thanh là tốt. Lý công Uẩn (Lý thái Tổ, 1009-1028) lên làm vua. « Hòa đao mộc » chắp lại thành chữ Lê. « Thập bát tử » thành chữ Lý. « Đông-a » là họ Trần, « nhập địa » là vào cõi. tổ tiên nhà Trần ở tàu sang. « Dị mộc » là họ Lê sau, « tái sinh ». lại làm vua. « chấn cung hiện nhật » : chấn là phương đông, nhật là mặt giời, ví vua ; hiện là mặt giời mọc, tức là vua ra. « Đoài cung ẩn tinh » : đoài là phương tây, tinh là sao, ví thứ dân, ẩn là mất. Hai câu dưới cũng không phải cắt nghĩa, nhưng có người nói bông rằng : « lục thất niên gian » không phải là trong sáu bảy năm, mà chính là đến năm 42 (sáu — bảy = bốn — hai) tức là năm 1942, thiên hạ được thái bình (?) Dù thế nào chăng nữa, bài sấm trên kia có thể nói tắt lại như thế này : Vua chết non, bầy tôi thịnh, nhà Lê mất, nhà Lý nên, phương đông vua ra, phương tây dân mất, trải sáu bảy năm, thiên-hạ được yên.

nhân ngày kỷ-niệm

tiếp theo trang 3

quân-đội thì lại chia làm nhiều đảng-phái, sô sát nhau, làm cho nước nhà phải điêu-đứng lầm-than !

Những cuộc phân rẽ ấy đã giúp quân Anh mỗi ngày một tiến trên đất Pháp. Sau khi đã chiếm được vùng Guyenne, họ rầy seo lên các tỉnh miền bắc. Thành Rouen bị vây hãm rất khốn, rồi lọt vào tay quân Anh. Kinh-đô Paris cũng phải hàng-phục, giữa lúc dân-chúng bị địch đói và giết hại rất nhiều. Hai bên bờ sông Loire đều có bóng người Anh. Chỉ còn một thành Orléans kháng-chiến, vì Orleans mất, tức là trung-tâm nước Pháp về tay quân địch ! Nhưng kháng-chiến được bao lâu nếu không có vị nữ-anh-hùng cứu quốc xuất-hiện ?

Trong nước, nhiều ruộng đất bỏ hoang, không ai cầy cấy, nhiều làng không có người ở, nơi nào cũng có dấu vết của chiến-tranh, của sự tàn-phá khốc-liệt !

Một đoạn lịch-sử rất thương-tâm của nước Pháp ! . .

Vì thấy nước nhà trong cảnh lầm-than bà Jeanne d'Arc xuất-hiện và mở một kỷ-nguyên mới cho tổ-quốc. Từ nơi thôn ổ xa-lánh, con tuấn-mã của bà Jeanne d'Arc rầm rộ đưa bà đi khắp các miền, để bà an-ủi, khuyến-khích đồng-bào đương tuyệt-vọng, phấn khởi lòng can-đảm, sự hy-sinh, chỉ-huy cuộc kháng-chiến và cứu nước Pháp khỏi vòng nước sôi lửa nóng.

Mới trong vòng non hai năm, bà Jeanne d'Arc đã phá được vòng vây thành Orléans vào ngày 8 Mai 1429, tiến quân vào thành Troyes, cử-hành lễ tấn tôn vua Charle VII trong giáo-đường hạt Reims.

Nhưng không may, bà thất trận tại Paris, bị bắt tại Compiègne, bán cho quân Anh, bị cầm-giam và thiêu sống tại Rouen.

Sự hy sinh của bà Jeanne d'Arc không phải là vô-ích. Theo gương bà, trong toàn-quốc phấn-khởi, đem nghị-lực, can-đảm, dũng-mãnh đánh lại quân thù. Người Anh hi-vọng sau cái chết của bà Jeanne d'Arc, sẽ nhất thống dư-đồ nước Pháp, nhưng trái lại chẳng bao lâu bị thua khắp các nơi.

Sau những trận thất-bại đến năm 1453, quân Anh chỉ còn lại trên đất Pháp một tỉnh Calais trong số đất đã đã chiếm cứ, công-nghiệp hiển-hách của bà Jeanne d'Arc đã tô-điểm cho lịch-sử bà nhiều phần tốt đẹp, tạo nên một cái lịch-sử vẻ vang trên thế-giới.

Thân-thế và sự nghiệp bà đáng để các nước khâm-phục.

Người Anh hiện thời cũng công-nhận công-nghiệp hiển-hách của vị anh-thư nước Pháp. Một nhà văn người Anh đã viết : « Đã là dân « Anh Cát-lợi, không một người nào « là không sẵn sàng để sùng-bái bà « Jeanne d'Arc tại Anh, bà được coi « là một nữ-kiệt vào bực nhất thế-« giới. Chúng tôi rất tiếc những « hành vi của tiền-nhân chúng tôi ! « Chúng tôi rất ân hận một khi nghĩ « tới những việc qua khứ đã sai-« nhầm !

Không những người Pháp sùng-bái tiên-nhân và ghi nhớ công-đức một vị anh-thư mới 18 tuổi đã vì lòng ái-quốc hy-sinh cho đất nước mà chúng ta là dân thuộc-quốc sau khi sùng bái hai bà Trưng của chúng ta chúng ta cũng không quên tôn-sùng vị nữ-anh-hùng nước Pháp đã cheo gương sáng cho người sau, cái gương dũng-cảm và tiết-tháo mà đã là dân, dù ở nước nào cũng phải có.

Chúng ta nên đoàn kết với nhau, nên hợp-tác với người Pháp trong cái đại gia-đình Đế-quốc Pháp, lập thành một khối, một tâm-hồn rung động theo một nhịp du-dương êm-ái sau Thống-chế Pétain, quốc-trưởng nước Pháp và dưới bóng cờ ba sắc.

Đời là một chuỗi hi-vọng ! ta cứ hi-vọng và một ngày không xa, ta sẽ đi tới cái kết-quả của cuộc Pháp Nam phục hưng mà ngày kỷ-niệm chung các vị nữ anh-hùng Pháp-Nam. Jeanne d'Arc và hai bà Trưng vào ngày 10 Mai 1942 sẽ làm tiêu-biểu !

NHẬT-NHAM

Tài-liệu để đính chính những bài văn cổ

SỐ 23 Ứng-Hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

XCIV

Bần-nữ ngâm (1)

Tối thị phong-lưu cao cách điệu,
Khả liêm thời-thế kiêm cung trang.
Giận với đời cũng phận phấn hương,
Sao lại tách phủ bần làm đôi mảnh.
Con tạo ghét chi người bạc mệnh!
Ai ôi! thương lấy cái hồng nhan!
Nào những đâu tưởng phấn mê lan,
Ngồi mà gẫm bao nhiêu phong nguyệt.
Hỏi rằng: Chị biết chăng, chẳng biết?
Rằng: Năm canh thức suốt cả năm canh.
Đầy vơi say tỉnh chén tình,
Trông hoa thuấn đã hiu hiu muốn rã.
Thôi xuân-tỏa đóng chi cho chặt nữa,
Mở toang ra để đợi mái giăng già.
Thương ôi! cũng phận đàn bà!

(Theo quyển quốc-văn tạp biên, tờ 27 a)

XCV

Chùa Thanh-mai (2)

(của TRINH-CĂN, 1682—1709)

BÀI DẪN (bằng Hán-văn dịch ra quốc-văn). Tôi nối theo nghiệp trước, cả vỗ cảnh thái bình, lòng thể đạo giời, chính theo phép vua, hát chín bài mà nuôi mọi vật, góp năm phúc để cho muôn dân, rõ cái công to yên giời đất nuôi muôn vật, họp cái phúc nhớn của thần và người: trăm sông êm sóng, bốn bể lặng trong. Chợt nhân thấy đêm tốt lành, có chùa tên là Thanh-mai, cảnh tùng lâm cao lạ nơi sâu thẳm khác trần. Bèn sai hỏi tìm, thấy được ở trong tầng núi Phượng-nhỡn, y nhiên một bầu viên tĩnh bao quát rất nhiều vẻ lạ, giăng soi gác nguyệt, đầy một vùng như thếp bạc, mây giáp cửa sổ mây, sắc bốn mùa như hoa gấm, hai suối chảy như nước ngọc Tào-khê dẫy núi đứng như ngọc quỳnh thông-linh, tốt đẹp lạ lùng, rất khó vẽ tả. Đến như móc xuống mà hoa xuân đẹp, khí núi tạnh mà chim núi kêu, mở cửa tuệ, soi đàn vàng cúi trông nước biển, soi ảnh mặt giời, tươi tốt đáng yêu! Gió lại mà tiếng thông reo, mưa tạnh mà đêm cỏ mát, quanh đường xếp đá, điểm ánh hồng hà, sáng như giao-trì, tỏ như bích-hán, tốt đẹp đáng chuộng! Thêm cảnh đan quế bay thơm, cây xanh bốc khói, quả thơm liền như ngọc li-châu, hoa tốt rả như hình mã-não, um tùm rậm rạp, thực là cảnh mĩ-quan của Lan nhã (cảnh nhà chùa). Ta xét bản đồ xem phong cảnh, mà tin nhẽ cảm cách, không ngờ sinh ra lòng cung kính, vẽ hành hai bài thơ tứ cổn, để cho rực rỡ thêm lên.

1 — *Bưng mặt xa trông sực cửu thiên,*
Rõng thu thú-vị khéo viên tuyền.
Đỉnh đang chầy nên trên sán các,
Ngao-ngán hương lừng trước ngọc-hiên.
Kẻ lot tam đồ vầy cỗi phúc,
Người thì thập giới giốc lòng thiền.
Từ-bi nhường ấy uy linh ấy,
Một tấc niềm đan rất kính tin.

2.— *Gây dựng nhờ nơi thái-nhất quyền,*
Đích nên tĩnh cảnh khắp ba nghìn.
Cung châu xét tỏ công vô lượng,
Cửa đức xum nhau khách độ duyên.
Gió phất thông reo ngờ nhạc vỗ,
Suối vàng nước chảy ngỡ chuông rền.
Nghiêm xem cảm ứng nhơn nhơn bấy,
Bút ngọi thơ để biết mấy thiên.

(Trích ở quyển *Ngự đề Thiên-hòa doanh bách vinh* sách viết bằng chữ nôm của trường Bác cổ, số O B 544 tờ 16a—18a) *còn nữa*

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ *biên tập*

1) *Văn-đàn bảo giám*, quyển thứ hai, in lần thứ hai, trang 31, đề là *bạc mệnh nhời chung*, có nhiều chỗ khác với bản riêng của chúng tôi, như những câu sau này: Tối ái phong lưu cao-các điệu, Sao nỡ rạch phủ bần làm đôi mảnh, Con tạo đúc chi người bạc mệnh v.v.

2) Bài thơ của chúa Trịnh-Căn chưa ai in ra quốc-ngữ.

Thúy-Kiều, Thúy-Vân

Tiếp theo trang 4

tưởng, xuân xanh xấp xỉ tới tuần trăng tròn, hay là vì một lẽ riêng bắt buộc nàng phải phân tách ra đứng ở một cõi thế giới riêng, bắt buộc nàng tuổi phải đôi chín, hai mươi để họp với cái cử-chỉ của nàng ở trong truyện, để hạp với tâm-lý học theo sự hiểu của ông Lê-Thước.

Nhìn nhận cô Kiều mới mười lăm tuổi, không phải chê cụ Nguyễn-Du thiếu tâm-lý học, ấy là chỉ nhìn nhận rằng các văn-sĩ đời xưa có quan-niệm khác về văn chương, về nghệ thuật. Tả cảnh thời các cụ có con mắt tổng quát hơn là con mắt phân-tách, ưa lựa chọn những nét biểu ý hơn là những chi-tiết hiện thật ra trước mắt (như vậy là hay, hay là dở ấy là một vấn đề khác). Tả hình-dung tình tiết thời các cụ ưa lựa-chọn những nhân - vật tuổi còn «đào tơ», «nhụy hoa hé nở», những nhân vật toàn mỹ, toàn hảo. Mỗi khi nói tới những nhân-vật ấy, các cụ không đứng vào địa-vị của những nhân-vật, trái lại, thường lại bắt nhân-vật đứng vào địa-vị của tác-giả. Cho nên ta không nên lấy làm lạ khi nghe thấy đôi đầy tớ Vân-Hương, Bích-Nguyệt ăn nói không khác gì con nhà thi-lễ đã lâu năm nấu sử xôi kinh. Những quan-niệm « màu sắc quê-hương ». « màu-sắc lịch-sử » «màu sắc tâm-lý» là những quan-niệm của Tây-phương đem lại.

NGUYỄN VĂN-NHO (Saigon)

Thời-đàm

Quân-cảng Gibraltar

NHẬT-NHAM

NĂM 1704, đương lúc cuộc chiến-tranh bành-trướng trên giải đất Tây-ban-nha để giải-quyết vấn-đề kế-vị, người Anh cắm lá quốc-kỳ trên miền duyên-hải giữa đường giao-thông Địa-trung-hải và Đại-tây-dương, qua eo bể Gibraltar hồi ấy còn thuộc Tây-ban-nha. Từ lâu, người Anh muốn chiếm trên eo bể một căn-cứ kiên-cố, giữa hạm-đội Tây-ban-nha và Pháp ở Đại-tây-dương và Địa-trung-hải. Trước sau chỉ mất 24 giờ đồng-hồ, Anh đã làm chủ ngay được phiến đất khi ấy phòng-thủ rất sơ-sài.

Ngày 13 Juillet 1713, quân Pháp và Tây-ban-nha không thắng nổi quân Anh, đành phải công-nhận Gibraltar là thuộc-địa Anh theo như hòa-ước Utrecht.

Từ năm 1715 đến năm 1779, Chính-phủ Tây-ban-nha đã tám lần điều-đình với Anh để đòi lại Gibraltar.

Từ 11 Juillet 1779 đến 12 Mars 1783, quân Tây-ban-nha có quân Pháp trợ-lực hết sức vây hãm Gibraltar. Tuy vậy, Gibraltar vẫn thuộc phạm-vi Đế-quốc Anh.

Ngày nay Gibraltar có một địa-vị quan-trọng trên dư-đồ thế-giới.

Người Anh đặt nhiều cơ-quan phòng-thủ rất kiên-cố. Các chiến-hạm to nhất thế-giới có thể tới bến trú-ẩn. Có kho đạn-dược và dầu mỏ để cung cho các chiến-thuyền lui tới. Quân-cảng có đủ cơ-quan để tự-vệ, có đủ lực-lượng để chống lại những cuộc tấn-công trên bộ, dưới nước và trên không. Tóm lại, Gibraltar có một công-dụng rất to là làm then khóa trên con đường giao-thông Đại-tây-dương với Địa-trung-hải. Các tàu bể từ Địa-trung-hải sang Đại-tây-dương hay từ Đại-tây-dương vào Địa-trung-hải đều ở dưới quyền kiểm-soát của người Anh và có thể gặp nhiều trở-ngại, hay không được qua lại tùy tình-thế.

Người Anh muốn giữ vững địa-vị của mình tại Gibraltar, nên không muốn có một cường-quốc khác tới Tanger để bành-trướng thế-lực có thể làm giảm giá-trị và công-dụng quân-cảng Gibraltar. Vì vậy, người Anh rất chú-trọng đến các việc xảy ra trên đất Tây-ban-nha, nhất là tại Centa và Algésiras, mà hình như quân Đức đã đặt những súng hạng nặng để chống lại quân Anh.

Gibraltar là một chiến-lũy rất kiên-cố. Có nhiều súng đặt ngầm trong núi đá, bắn trong một phút được từ hai phát đến 15 phát đạn, không những có thể kháng-chiến với hải-quân bên địch, mà còn có thể hạ được phi-cơ của địch-quân. Có một hàng lũy tầu ngầm để kiểm-soát các tầu qua lại eo bể. Một khi có chiến-tranh với quân địch, quân cảng sẽ được giấu kín trong một làn khói, tạo thành những đám mây nhân tạo. Không-quân mỗi ngày một bành-trướng.

Ít lâu nay, công-dụng của Gibraltar trước sức tấn-công của phe địch càng làm tăng sức phòng thủ trên eo bể. Gibraltar không lập ngay trên đoạn eo bể hẹp nhất, nên súng liên-thanh không đủ giữ vững cái then khóa của Anh. Từ mỏm đá bên này đến bờ bể Phi-châu bên kia cách những 28 cây số. Các tầu bể theo miền duyên-hải phía nam, ban đêm, có thể trong một làn khói hay trong sương mù, qua eo bể được vô sự.

Những súng đặt ngầm chưa đủ, ngoài ra còn nhiều chiến-hạm tuần-tiễu trên mặt bể, để kiểm-soát các tầu-bè qua lại.

Mới đây, lại thêm nhiều thiết-giáp-hạm, hàng-không mẫu-hạm, nhiều tầu vận-tải khí-cụ từ Đại-tây-dương đưa lại Gibraltar.

Sở dĩ người Anh lo phòng-thủ Gibraltar, là vì ít lâu nay, quân địch đã bắt đầu công-kích vào quân-cảng. Phi-cơ từ xa tới ném bom xuống các cơ-quan phòng thủ làm cho người Anh phải đề-phòng một cuộc tấn-công rất mãnh-liệt đồng-thời với cuộc tấn-công kênh đào Suez nay mai.

Eo bể Gibraltar và kênh Suez là hai then khóa hai cửa bể Địa-trung-hải về miền tây và đông.

Nếu Gibraltar bị phong-tỏa những chiến-thuyền của Anh trong Địa-trung-hải chỉ còn kênh-đào Suez làm lối thoát lui.

Nếu đồng-thời Gibraltar và Suez cùng bị phong-tỏa, thì hạm-đội Anh sẽ bị cô-lưu trong Địa-trung-hải, không còn lối để rút lui.

Đã nghĩ đến cái nguy-cơ ấy, người Anh không tin vào sức phòng-thủ hai nơi cửa bể, không chắc vào sự kiên-cố của hai then khóa, nên đã từng tìm phương giải-cứu, nếu một khi Địa-trung-hải bị địch quân nắm được hai then khóa Gibraltar-Suez.

Octobre 1940, một hội-nghị bí-mật họp tại Delhi, kinh thành Ấn-độ. Nội các Anh triệu-tập tất cả đại-biểu các thuộc-quốc Úc, Nouvelle Zélande, Mã-lai, Ceylan,

Xem tiếp trang 16

Trên đài kỷ-niệm văn-hóa Việt-nam

ÔN-NHƯ TIÊN-SINH ĐÃ TẠ THẾ!

SONG-CỐI

NĂM ngoái, cụ Đông-châu mất ! Năm nay, Ôn-Như tiên-sinh lại qua đời ! Người ta có cảm tưởng như đứng trước cảnh quạnh-hiu của một vườn công mà mấy cây già đã bị tồi tàn vì những trận mưa phàm gió phũ !

Chưa ráo nét mực quan-hoài đối với một nhà văn trong nhóm Nam-Phong, thì nay, đám mây tang buồn lại kéo đến bao phủ làng văn học : Nguyễn văn-Ngọc tự Ôn-Như tiên - sinh đã vĩnh biệt chúng ta ngày 26 Avril 1942 !

Tiên - sinh, người Hải-dương, sinh năm 1890.

Bản-lĩnh là một nhà nho, tiên-sinh xoay theo tân-học. Lần trèo nấc thang giáo - giới, tiên - sinh làm đến thanh-tra các trường Sơ học Bắc-kỳ, sau sung chức đốc học Hà-đông, rồi mất trong khi đang tại chức.

Tuy bước chân vào ngạch học quan, nhưng tiên sinh vẫn giữ cái bản sắc một nhà văn, một nhà học giả.

Phải, tiên sinh đã từng «thuyết pháp» về Phật giáo ở chùa Quán sứ và đương làm phó hội trưởng của Hội Phật giáo Bắc kỳ.

Nếu tôi không nhớ lầm, thì từ khoảng năm 1922 trở đi, trên mặt tờ *Trung Bắc Tân Văn*, người ta thỉnh thoảng vẫn thấy những bài đăng làm xã thuyết, dưới ký là Ôn Như.

Ngoài những bài tản mác đăng báo, Ôn Như tiên sinh còn dày công trong giới trước thuật nữa.

Theo chỗ tôi biết, thì từ năm 1927 đến 1936, tiên sinh hoặc biên tập, hoặc sưu-thái, hoặc sáng tác, hoặc cộng tác được những sách này :

Năm 1927 : *Nam-thi hợp tuyển*, quyển nhất ;
(?) » » » » quyển thứ hai (?) ;
Năm 1927 : *Đông tây ngụ ngôn*, quyển trên ;
Năm 1928 : *Tục ngữ phong dao*, tập trên ;
Năm 1928 : » » » » tập dưới ;
Năm 1929 : *Để mua vui*, quyển I ;
(?) » » » » quyển II (?) ;
(?) *Nhi-đồng lạc-viên* (?) ;
Năm 1931 : *Câu đối* ;
Năm 1932 : *Đào-nương ca*, tập I ;
(?) *Đào-nương ca* tập II (?) ;
Năm (?), *Cổ học tinh hoa*, quyển nhất (?) ;
Năm 1933 » » » » quyển nhì ;
(Làm chung với ông Tĩnh-Trai Trần Lê Nhân)
(?) *Cổ học tinh hoa*, quyển ba (?) ;
Năm 1936 : *Đông tây ngụ ngôn*, quyển dưới.

Sau khi đã kê xong cái bản thống kê nhỏ về tác phẩm và dịch phẩm của tiên sinh như trên đó, ta thử xét qua xem tiên sinh đã làm được những việc gì cho văn học nước nhà...

Không kể những việc « vệ đạo » và «thi pháp» mà tiên sinh đã giúp cho Phật giáo, ta còn phải ghi những công lao sau nay lên trên đài kỷ niệm văn hóa Việt-nam :

1 Sưu-tập phong dao, tục ngữ.— Trong đời trước thuật của tiên sinh, việc này, có lẽ, đáng liệt làm công thứ nhất. Dựa vào các sách hoặc chữ nôm, hoặc chữ nôm dịch ra chữ hán, hoặc chữ nôm có phụ chữ quốc ngữ, hoặc chữ quốc ngữ dịch ra chữ pháp, hoặc chữ quốc ngữ của các văn gia xưa nay, tiên-sinh soạn được hai tập *Tục ngữ, phong dao*, chia theo thứ - tự a, b, c, cho tiện tra cứu «Tập trên thì từ ba chữ đến hai mươi ba chữ và thuộc về thể phương ngôn, tụcngữ ; tập dưới thì từ bốn câu giở lên và thuộc về thể phong dao » .Làm việc đó, là tiên sinh nhằm theo cái mục đích giữ gìn lấy « những câu lý thú tối cổ của ông cha để lại. » (trích sách *T. N. P. D.*, tập trên).

2 Giới thiệu các thể thơ văn xưa. — Trong những cuốn *Nam thi hợp tuyển, Câu đối* và *Đào nương ca*, tiên sinh đã làm được công việc ấy. Để giúp các bạn hậu tiến biết đến các thể thức, luật cách thơ cổ, tiên sinh giới thiệu nào thơ cổ thể, nào thơ Đường luật, nào « các lối thơ riêng» như *liên hoàn, liên châu, cô nhạn xuất quần, cô nhạn nhập quần và vĩ tam thanh*, vân vân. Tiên sinh lại cho rằng « câu đối là một thể văn rất cần. Phàm các lối văn vần của ta, bất cứ là thơ hay phú, văn tế hay văn bia, cho đến cả căn lục bát hay song thất lục bát cũng

Xem tiếp trang 16

Số 25

THỬ VIẾT

VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ

HOA-BẰNG

CHƯƠNG THỨ NĂM

Văn-học đời Trần

(1225 - 1399)

TIẾT MỘT

Tổng luận

CƠ-sở quốc-gia Việt-nam đến Trần đã vững chắc lắm rồi. Được xây trên nền đá đó, văn-học bấy giờ có vẻ bồng-bột, phát-đạt đủ mọi phương-diện.

VỀ MẶT TRIẾT HỌC, ta ăn và tiêu-hóa được tư-tưởng của nhà Phật, rồi gây thành một thiền-tông An-nam. Những sách như «*Thánh đăng ngữ lục*», «*Tuệ-Trung Thượng-sĩ ngữ lục*» và «*Khóa hư*» v. v. đủ làm tiêu-biểu cho môn triết-học đời đó.

VỀ SỬ-HỌC, ngoài bộ Việt-chí của Trần-Tấn đã thất truyền ra, có bộ «*Đại-Việt sử-ký*» là pho sử được kể là đầu tiên của nước Việt-nam, do ông Lê Văn-Hưu, hàn-lâm học-sĩ kiêm quốc-sử viện giám-tu, làm xong hồi tháng giêng, năm Trần Thánh-Tông Thiệu long thứ 15 (1272). Bộ sử đó chép từ đời Triệu Võ-đế đến Lý Chiêu-hoàng (207 trước — 1224 sau J. C.), cộng 30 quyển. Chép việc trong khoảng một thời-gian ngót nghìn rưỡi năm, lại là một công-cuộc mới-mẻ lạ-lùng, thế mà cũng kiếm đủ tài-liệu, chép thành manh-mối, làm căn-cứ cho các bộ sử ngày sau. Nó thật là một kiệt-tác đối với đời đó.

VỀ THƠ CHỮ HÁN, bấy giờ rất thịnh: «*gửi hứng rộng rãi, êm-đềm, tỏ tình cao xa nhã-nhặn*», gây thành cái phong-trào «thi-vị» mạnh-mẽ vô-cùng. Cứ như lời một tác-giả nói trong bài *Lệ ngôn* ở đầu bộ *Toàn Việt thi tập*, thì các vua đời Trần rất thích đề thơ, ai nấy cũng có một thi-tập, nhưng tán lạc thất truyền, chỉ còn được vài mươi bài như có chép trong «*Việt âm thi tập*» (1) thôi! Ấy còn chưa kể thơ văn của các tao nhân mặc-khách đời đó là khác.

VỀ PHÚ CHỮ HÁN, Lê Quí-Đôn phải lớn tiếng khen: «Đời Trần có nhiều bài phú lạ-kỳ, hùng-vĩ, trôi-chảy, tốt-đẹp; văn-trí và cách-điệu thì gần giống lối phú của đời Tống» (2). Thật vậy, những bài như *Ngọc tỉnh liên* của Mạc Đĩnh-Chi và bài *Bạch-đằng giang* của Trương Hán-Siêu v. v. (3) đều là những áng văn rất xuất sắc ở đời bấy giờ.

Nói đến sự-nghiệp trước-tác của đời Trần, ta phải thật tình nhận rằng đời đó đã đay công đong góp vào kho văn-hoa công-cộng của xã-hội Nam-việt. Tiếc rằng trải qua trận giặc Chiêm-thành đốt cướp ở đời Trần Nghệ-Tông (1370-1372) và nạn Minh Trương-Phụ tàn phá vơ-vét ở đời Hồ (1400-1407) (4), trừ nhiều sách mất bẵn chỉ còn tên trống ra (5), quyển nào sống sót phần nhiều là tờ tàn, trang vụn, ít được đầy-đủ toàn biên. May thay, ở bên nhà chùa còn khắc, in và tàng trữ được ít nhiều sách đời đó (6), tặng cho người sau món quà quí-báu vô cùng! Trước cái công ơn đó, chúng ta phải thật lòng ca-tụng vị Giáo-chủ đại-từ, đại bi!

Ngoài những sách thành tập và thơ (7), phú (8), biểu (9) sót lại ít nhiều, đời Trần còn có 9 bài (kể theo Lê Quí-Đôn ở đời Lê Trung-hưng) vừa *bi*, vừa *minh* khắc vào chuông đồng, bia đá nữa (10).

Ngoài những sách thật có giá-trị như *Tuệ-Trung thượng sĩ ngữ lục*, *Khóa hư*, đời Trần còn có *Việt điện u linh tập*, *Lĩnh nam trích quái* v.v. nữa (11).

Đó, về mặt hán văn, đời Trần đã để lại một sự nghiệp vẻ vang rực rỡ là như vậy!

Đến đây ta phải ghi một dấu lớn trên trang văn-học sử hồi Trung-thế: Cuộc vận động của phái Việt-văn đã mạnh-mẽ và rõ-rệt lắm rồi! Muốn biết cái cớ tại sao phái này gây được lực-lượng trong văn-học giới bây giờ, ta phải xét rõ hoàn-cảnh, tình hình và trình-độ xã-hội khi đó cùng là những cái cận-nhân và viễn-nhân gây nên một cuộc cách-mạng về văn-học ở đời Trần:

1° Vì có ngoại hoạn kích thích, dân chúng hồi đó bật tỉnh dậy, biết rằng cần phải hi-sinh để giữ lấy non sông, đất nước, là nơi sinh-sản thóc lúa để họ ăn, chôn-táng tổ-tiên mà họ hương khói, tụ-họp cha mẹ vợ con để họ vui-vầy... Nên họ hết sức đồng lòng với vua quan để tranh đấu với giặc Nguyên trong ba trận đại chiến. Hà-Bổng đem dân binh đón đường chẹn đánh quân Mông cổ và binh-lính bấy giờ thích hai chữ «sát Thát» (12) vào cánh tay đều là dấu hiệu của dân-chúng tỏ lòng hi-sinh đó. Mà cái tinh-thần hi-sinh này tôi cho là một phần chịu ảnh-hưởng bởi cái Phật-giáo thuần-túy chân-chính từ đời Lý dồn đến đầu Trần.

2° Mấy vua đầu đời Trần, học Phật rất thâm, thực-hành được lòng từ-bi, lợi tha, bác ái, phổ độ. Đối với dân-chúng, các vua đó coi như con cái người nhà, xẻ ngọt, chia cay, một bầu không khí hòa-vui bao-phủ suốt cả trên dưới. Cuộc Diên-hồng hội-nghị hỏi ý-kiến dân-chúng, thân-mật kêu tên gia-đồng, và hát bài «*Long ngâm khúc*» để công-chúng dân ra lấy lối phát-dẫn đám tang vua Trần-Nhân... (13), những việc đó làm chứng với ta rằng đời Trần thờ chủ-nghĩa «dân quí».

Và, trải qua bao cơn đại nạn, cùng nhờ tấm nhiệt thành yêu nước của phái bình dân, nhà Trần mới hát được bài ca thắng trận. Cho nên, sau lần thứ ba đánh đuổi được quân Mông-cổ, các vua Trần phải nâng địa-vị bình-dân lên cái trình-độ khả cao. Chính Trần Quốc-Tuấn nói với vua Trần Anh-Tông bằng giọng hấp-hối: «Phải nới sức dân để làm cái chước giữ vững từ gốc.

3° Từ đời Trần Thái đến đầu đời Trần Anh, mấy vị anh-hùng hoàng-đế kia còn vụ thực học, chưa say đắm trong giấc mộng hư văn. Khoa-cử tuy có mở, song dùng người không câu-nệ trong vòng khoa danh! Chứng-cớ: Phạm Ứng-Mộng và Đoàn Nhữ-Hài đều là thư-sinh mà được đại dụng cả. Vì không thiên trọng về khoa-cử như vậy, nên dân chúng không đến nỗi phải khả xát giấy vò dưới bàn chân bắt của phái hủ nho trong đầu óc chứa đầy tư-tưởng phong-kiến, lễ-nghi phiền-toái cổ-hủ, và học-thuyết câu-nệ bặt thông...

Bởi mấy dịp tốt và những cớ như trên đã nói, dân khí bấy giờ bồng bột lạ thường; nên lối văn nôm mới có cơ-hội nở-nang tấn-tới lên được. Một khi giác-ngộ, thấy lối thơ phú Tàu được thông dụng ở đời bấy giờ, phái văn bình dân bèn lợi dụng mà trau giồi tinh thần An-nam vào: Ôm xử mạng của Thần Quốc-văn, thơ, phú nôm ra đời!

Đứng dưới bóng cờ đại tướng của phái văn nôm này, ta nhận thấy có Hàn Thuyên, Nguyễn Sĩ Cố, v.v.

Ngày mà Hàn Thuyên làm được bài thơ nôm đầu tiên chính là ngày mở một kỷ nguyên mới trên trang lịch sử văn học, cũng chính là ngày nghiêm trọng trong cuộc cách-mạng tinh-thần! Tiếc thay, nhiều bài thơ nôm trong Phi-sa tập (14) của Hàn-Thuyên và quyển Quốc-ngữ thi tập của Chu An đều mất sạch cả! Nay tôi mới tìm được mấy câu thơ của nàng Điểm-Bích (15) là thật văn môn đời Trần; còn thì chưa dám tin những áng văn ngụy tạo giả thác của người sau (16).

Ngoài cuộc cách-mạng văn-học nói trên, đời Trần còn có nhạc vũ và lối hát bội (truyện hí) là đáng chú ý:

Theo sử chép, thì Trần có mấy lối âm-nhạc, ca vũ này:

1) Lối phường hát cởi trần. — Một bọn con trai vài mươi người, ai nấy cởi trần cả, nối tay nhau, chân đánh dịp, xếp hàng vòng quanh lại mà ca-hát. Hễ một người trong các hàng giơ tay lên thì mười người trong bọn đều giơ tay lên cả; khi buông tay xuống cũng vậy. Họ hát những bài như Trang Chu mộng điệp, Bạch-lạc-Thiên mẫu biệt tử, Vi-sinh, Ngọc-tiêu, v. v. Ca thì có các lối đạp ca, hiệu ca.

Lối hát này có ngụ ý cảnh thế: khi thanh thời thế thì giọng hát rất tha-thiết não-nùng..

2) Lối nam ưu, nữ xướng. — Mỗi khi yến-hội ở Tập-hiền điện, người ta hay thưởng thức đến lối hát này. Bên trai kêu là nam ưu, bên gái gọi là nữ xướng, mỗi bên đều mười người, ngồi đất mà ca-hát.

Về lối hát này, tôi tưởng, nó tức là lối hát quan họ, hát đúm vì cũng có một bên nam, một bên nữ và cùng ngồi đất một cách bình dân. Mà đến cả lối hát trống quân, có lẽ, gốc-tích cũng tự đấy mà ra nữa. Có khác chăng là từ khi ông Nguyễn-Huệ (1788-1792) đem ứng dụng vào trong vòng quân thứ để làm món chơi mua vui cho quân nhân, nên nó mới được mang cái danh-hiệu là «*trống quân*» (*nghĩa là trung quân nhưng nói trật đi*) (17).

3) Lối hát giấu mặt. — Mỗi khi đại yến ở trên cung điện, thì đại nhạc hòa tấu ở sau dưới nhà ngang (vũ hạ chi hậu): không trông thấy nhạc khí và nhạc công. Mỗi lần rót rượu người ta lại hô lớn: Họa khúc nhạc mỗ lên! Ứng theo tiếng đó, người ở dưới nhà ngang hòa ngay khúc nhạc trên điện muốn nghe. Lối hát này có ngang hòa ngay khúc nhạc trên điện muốn nghe. Lối hát này có những khúc «Giáng hoàng long», «Nhập hoàng đô» «Yến Dao trì», «Nhất thanh phong». Âm điệu thì gần giống thời cổ, chỉ hơi khác là ngắn-ngủi và gấp rút thôi (18).

Đó, lối nhạc vũ đặc An-nam của đời Trần đại-khái như vậy. *Tiếc rằng những bản hát Trang-Chu mộng điệp, Vi-sinh, Ngọc-tiêu và những khúc như Giáng hoàng-long, Yến Dao-trì luôn với bài Long ngâm khúc mà Trịnh Trọng-Tử đã dùng trong dịp ninh lăng vua Trần Nhân,* nguyên văn thế nào, nay ta không rõ. Chỉ biết rằng đại để người ta hát từng bài ngắn một, hết khúc này sang khúc khác, chứ không đặt bài dài. Mà khi hát thì gẩy đàn tỉ-bà và đàn tranh một giây xen vào khiến cho nhịp nhàng thêm vui,

Có điều chắc-chắn là các khúc hát, bài ca thế nào cũng phải đặt bằng tiếng An-nam thì người nghe mới hiểu được. Những tên như « Bạch-lạc-Thiên mẫu biệt tử » v. v. đó chẳng qua người ta tóm lấy đại ý trong bài rồi đặt một cái đầu đề bằng chữ Hán như thế để tiện phân-biệt và cho nhã-nhặn lịch-sự thêm thôi.

Sử chép vua Trần Thánh thường đặt tiệc ở Lan-đình để mua vui với anh em họ mạc, khi say, cùng nhau dan tay mà ca hát Lại chép trong nhà ông Trần Nhật - Duật không ngày nào không trèo, hát. Nhân đó ta thấy rằng hồi đầu Trần, người mình đã yêu mỹ - thuật, ưa ca-hát.

Nhờ có cái hứng thầm mỹ đó, quốc văn được một dịp tốt bật lên ! Vì khi một người An-nam hát và đặt bài hát ở đời bấy giờ chắc thế nào cũng dùng đến tiếng mẹ đẻ. Một khi phong trào ca - hát đã xô - đẩy, tất nhiên người ta phải để ý đến quốc văn và luyện tập nó.

Vì hoàn-cảnh và trình-độ xã-hội bấy giờ nhu-cầu như vậy, nên Hàn-Thuyên, Nguyễn Sĩ-Cố mới xướng ra lối thơ, phú nôm để ứng - phó, cung - cấp cho chăng ?

Bài tổng-luận này đã dài rồi, không tiện nói nhiều nữa. Vậy xin đến bài Kết luận sẽ nói nốt về lối truyện hi ở đời Trần Giụ Tông.

1· *Việt-âm thi-tập* của Phan-Phu-Tiên, người Đông-ngạc, huyện Từ-liêm, tỉnh Hà-đông.

2· Coi mục *Thiên-chương* trong *Kiến-văn tiểu lục* của Lê-Quí-Đôn, người Diên-hà.

3· Nguyên văn chữ hán có in trong các sách *Đại-Việt sử-ký*, *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, *Hoàng-Việt văn-tuyển* v. v.

4· Đầu đời Trần Nghệ, Chiêm-thành vào cướp nước ta : đốt phá bóc lột gần hết. Sau đó thu nhặt lại được ít nhiều. Khi Hồ mất, Trương Phụ lấy hết cả sách vở xưa nay của ta đem về Kim-lăng (nay là Nam-kinh bên Tàu). Đến Lê, các ông Nguyễn - Trãi, Tử - Tấn, Phu-Tiên tìm-kiếm lặt-lượm, còn được 4, 5 phần 10 (Coi bài tựa mục *Nghệ văn chí* trong bộ *Đại-Việt thông-sử* của Lê Quí-Đôn).

5· Những sách sau đây đã mất :

Quốc-triều thông chế, 20 quyển : Nam Trần Thái-Tông Kiến - trung thứ nhất (1225), khảo-sát điển-lễ đời trước, đặt làm phép-tắc thường dùng.

Kiến-trung thường lễ, 10 quyển : do vua Trần Thái-Tông sai chư thần biên công việc quốc triều, đặt làm thường lễ.

Hoàng-tông ngọc điệp, 1 quyển : soạn năm Trần Thái-Tông thứ 10 (1234).

Công văn cách thức, 1 quyển : soạn và in năm Trần Anh Tông Hưng-long thứ 7 (1299).

Hoàng triều đại điển, 2 quyển : do vua Trần Giụ Tông (1341-1369) sai Trương Hán-Siêu và Nguyễn Trung-Ngạn biên đính.

Tứ thư thuyết ước, 10 quyển : Chu Văn-An soạn.

Việt sử cương mục, 10 quyển : cuối đời Trần, Hồ Tôn-Thốc soạn. Về bộ sử này, Ngô Sĩ-Liên có khen : « Chép việc thì thận - trọng và có phương-pháp ; phê-bình thì thiết-thực, xác-đáng và không rườm »

Sâm-lâu tập, 1 quyển : Trần Uy-Văn vương soạn.

Quốc-ngữ thi tập, 1 quyển : của Chu Văn-An.

6· Nhờ quyển *Thiền-uyển tập-anh ngữ-lục* của một tác-giả đời Trần, nên nhà Lý mới còn chút dấu-vết trên lịch-sử văn-học. Chính tôi đã căn-cứ ở bộ sách ấy, mới làm được một đoạn văn-học-sử trong khoảng thời-gian hơn 200 năm, như các bạn đã thấy ở hồi Lê, Lý.

7· Trần Thái-Tông còn 1 bài, Trần Thánh-Tông 5 bài, Trần Nhân-Tông còn hơn 20 bài, Trần Anh-Tông còn 8, 9 bài, Trần Minh còn hơn 10 bài, Trần Nghệ còn 3 bài, v. v. (Coi mục *Văn tịch chí* trong sách *Lịch triều hiến chương*).

8 Đời Trần có 13 bài *phú* :

Quan Chu nhạc
của Nguyễn Nhữ Bật
Bàn-khê điếu hoàng
của Trần-Công Cận
Trảm sà kiếm
của Sử Hi-Nhan
Cần-chính lâu
của Nguyễn Pháp
Thiên thu kim giám
của Phạm Kính-Khê
Ngọc tỉnh liên
của Mạc Đĩnh-Chi
Bạc-đằng giang
của Trương Hán-Siêu
Thiên-hưng trấn
của Nguyễn Bá-Thông
Cảnh tinh
của Đào Sư-Tích
Diệp mã nhi
của Nguyễn Phi-Khanh (?)
hoặc Đoàn Xuân - Lôi (?)
Thang bàn Khuyết danh
Đồng-Hồ bút Khuyết danh

Những bài phú kể trên có chép trong *Quần hiền phú tập*, do Hoàng Sần-Phu (người đời Lê) biên. (Theo Lê Quí - Đôn trong mục *Thiên-chương* sách *Kiến văn tiểu lục*).

9· Đời Trần còn 7 bài *biểu* :

Tạ tứ sung đại liêu bản sam
Mạc Đĩnh-Chi
Tạ tứ lục kim nghiễn
Lê Bá Quát
Tạ trừ Hàn-lâm viện trực-học-sĩ
Trương Hán-Siêu
Tạ thiên-triều tứ Đại-quang-minh tạng Khuyết danh
Tạ hạ giá vương cơ. Khuyết danh
Nghĩ Tô-Thức tạ tứ sông tích mặc Khuyết danh
Tạ tứ tể-thần quan nhã nhạc
Lê Thủ (đời Hồ)

Những bài biểu trên đều viết bằng lối văn tứ lục, có chép trong bộ *Quốc-triều biển chương tập* của Trần Văn-Mô, người đời Lê. (Theo Lê Quí-Đôn trong mục *Thiên-chương chí* sách *Kiến văn tiểu lục*).

Thống-Chế PÉTAIN đã nói :

« Những kẻ nào ở ngoại-quốc cũng như ở trong nước, mà mạnh tâm gây mầm li-tán, và ở xứ mình mà dùng những thủ-đoạn vu-oan tố-giác thì nghĩa-vụ bắt Bản-chức phải cho họ là phường trốn-lính ».

10· Bài *bi minh* Di-Đà bảo khám ở Bồng hương thuộc Hồng lộ, do khuyết danh làm dưới triều Trần Anh (1293-1314) ;

Bài *chung minh* chùa Đại-bi do Văn-túc vương Trần Đạo-Tái soạn năm Trần Anh Hưng-long thứ 2 (1294) ;

Bài *chung minh* và bi-văn chùa Đại-bi làng Mộ-đạo, do sư Sùng-Nhân soạn ;

Bài *minh* chuông chùa Sùng-quang, xã Ỷ-lan, cầu Ma-lãng, do Đặng Lân-Chủng, hàn lâm thị-giảng, soạn năm Trần Minh Đại-khánh thứ 7 (1320) ;

Bài *minh* chuông chùa Diên-thánh báo ân làng Đông ngạc, do Trần chấn-Khanh, ngự sử trung-tán, soạn năm Trần Hiến Khai-hựu, thứ 4 (1332) ;

Bài *ký* tháp Linh tế, núi Dục-thúy do Trương hán Siêu, tả tư thị lang, soạn năm Trần Giụ Thiệu phong thứ 3 (1343) ;

Bài *minh* bia viện báo ân làng An-đăng, do Hồ tôn Thốc, thủ trung thư lịnh, soạn năm Trần Phế đế Xương phù thứ 7 (1379) ;

Bài *minh* bia chùa Phúc minh làng Man đề do Đỗ nguyên Chương soạn (1377) ;

Bài Đại-bi nham kỷ chùa Sùng nghiêm, núi Vân-lỗi do Phạm sư Mạnh, hữu bộc-sạ, soạn năm Trần-Nghệ Thiệu-khánh thứ 3 (1372). (Coi *Kiến văn tiểu lục.)*

Cố-vấn mươi người,
Chỉ-huy năm ba,
Chủ-trị có một, đó là quốc-gia có thể thống.
Cho phép bình-phẩm hay dở,
Chớ nhắm mắt bài bác thì cấm.

11) Coi thêm sách *Lịch triều hiến hương, Văn tịch chí ; Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient, 1934* ; v. v.

12· Giết Thát đát, nghĩa là giết giặc Mông cổ.

13· Ngày 16, tháng 9, năm Trần Anh tông Hưng long thứ 18 (1310) khi sắp phát dẫn tử cung vua Trần Nhân đề đem táng ở Qui đức lăng phủ Long hưng, công chúng nhóm chật nich, đến nỗi tề tướng cầm roi cũng không dẹp quang được. Thấy vậy, vua Trần Anh chỉ bảo Trịnh-Trọng-Tử : «Người đông nghẽn lối thế này thì làm thế nào! » Trọng-Tử bèn bảo toán quân Hải khâu Hồ-dực hát mấy tiếng trong bài *Long ngâm khúc*. Mọi người kéo đến xem ; cung điện rộng chỗ, mới phát dẫn được.

14· Có người nói thơ nôm của Hàn Thuyên hãy còn ít bài, song trong *Lịch-triều hiến chương* nói là « thất truyền ».

15· Mấy câu này có chép trong sách *Tam Tổ Thực Lục*, tôi sẽ giới thiệu ở sau.

16· Trong Đông thanh từ số 3 trở đi có đăng 48 bài thơ nôm nói là văn đời Trần vịnh về việc bà Huyền-Chân công chúa. Tôi sẽ có bài phê-phán ở sau.

17· Xem thêm bài « Những bài thơ tình trong kinh Thi » của ông Nguyễn văn-Tố đăng trong Đông Thanh số 5.

18· Coi Đại Việt sử ký, Trần ký quyển 7, tờ 30.

Tin vắn hằng tuần

QUỐC-TẾ

Cứ như lời tuyên-cáo của ông Hitler, thì mười sáu triệu tấn tàu buôn của phe địch đã bị đánh đắm.

Không quân Đức đánh xuống các đường giao-thông và đoàn xe vận-tải của Nga ở Nam-Nga và xuống thành Norwich ở Anh.

Máy bay Anh tàn phá thành Cologne của Đức và đánh miền bắc nước Pháp 3 lần trong một ngày.

Quân Nhật chia ba đường tiến đánh Diến-điện : Diến-điện có cơ mất đến nơi.

Quân Nhật đã chiếm được hết những nơi xung-yếu ở đảo Moluque và đảo Nouvelle Guinée về phía bắc Úc.

Có tin Mỹ đã đổ bộ tại Nouvelle Calédonie.

Hội Hợp-Thiện Bắc-kỳ hoạt-động

Hội Hợp-thiện Bắc-kỳ đã họp Đại Hội-đồng thường niên tại hội quán chiều 26 Avril để bầu lại chức Tư-lý. Ông Nguyễn tường-Phượng, có ông Hoàng đình-Tạo ra tranh, nhưng vẫn được tái cử để ngồi lại về vang trên ghế Tư-lý mà ông vẫn giữ từ năm 1938 tới giờ.

Sau cuộc bầu, Hội bàn mấy việc sau này đáng chú ý :

1) Lập sân Vận-động và vườn hoa trẻ con cho các trẻ em nghèo cùng các học trò của Hội Truyền Bá quốc ngữ tại Dạ-Lữ-Viện.

2) Làm lại chùa Tàu cạnh Bình Dân Phạn Điếm.

3) Làm nhiều nhà sạch sẽ quanh Bình Dân Phạn Điếm cho các gia đình đông con và nghèo thuê rẻ tiền.

4) Lập nhiều phòng tại Dạ Lữ Viện làm chỗ tạm trú cho các sản phụ cùng trẻ sơ sinh sau khi ở các nhà thương ra chưa có chỗ ở hay chưa tiện về quê quán.

5) Lập một vườn Thánh cho các người theo đạo Thiên Chúa trong Trang Hợp-Phúc của Hội tại Quỳnh-Lôi.

Tri-Tân nghỉ một kỳ

Vì gặp ngày lễ cần-lao của Thống-chế Pétain và ngày kỷ-niệm Jeanne d'Arc, nhà in Tri-Tân nghỉ việc mấy hôm lễ ấy, nên bản-chí buộc phải nghỉ một kỳ.

Vậy số 46 sẽ ra vào tuần lễ từ thứ tư ngày 6 đến thứ ba 12 Mai 1942.

ÔN-NHƯ TIÊN-SINH

Tiếp theo trang 11

không vượt được câu đối, cũng đều có câu đối lẫn ở trong... » (tựa sách *Câu đối*), nên tiên sinh đã giảng giải về câu đối một cách kỹ càng. Đến lối *hát nói* và *hát mưỡu* cũng được tiên sinh rất chú ý vì cho rằng *Đào nương ca* là « một lối hát đối với tôn-giáo, đối với dân gian, đối với văn chương có cái địa vị đặc biệt, hệ trọng.. » (tựa sách *Đào nương ca*)

Bên việc giảng giải các thể thơ văn ấy, tiên sinh còn thực hiện thêm được một công trình rất đáng kể : sưu tập và chú thích được nhiều thơ nôm hay, lắm câu đối truyền tụng và những bài hát ả đào đã nổi tiếng.

3. *Làm giàu cho cái kho « ngụ-ngôn » của nhi-đồng.* — Văn ngụ-ngôn, đối với văn-học các nước, vẫn được liệt làm một loại. Với nhi-đồng, nó gây được hứng-thú rất mặn-mà ; với người lớn, nó cũng không phải không có công dụng về mặt phúng thế, cảnh tục. Cho nên những ang văn ngụ-ngôn như của Esope, của La Fontaine vẫn có ảnh-hưởng rất sâu-xa, mạnh-mẽ. Nhìn lại tủ sách quốc-văn, hình như còn thiếu nhiều về loại sách đó !

Chừng để bổ-cứu vào chỗ khuyết điểm ấy, Ôn-Như tiên-sinh đã dụng công soạn được những bài ngụ-ngôn bằng vần vần cho trẻ đọc. Năm 1927, tiên sinh cho ra được 153 bài (*Đông tây ngụ ngôn*, quyển trên) ; năm 1936, được 187 bài (*Đ. T. N N*, quyển dưới) Ấy vì tiên-sinh muốn «giúp những trẻ các trường Sơ-đẳng được thêm ít bài tập đọc hay học thuộc lòng... », nên đã « mượn ở những câu tục ngữ, phong-dao cổ của nước nhà hoặc ở những bài ngụ-ngôn bất cứ là của nước Pháp hay nước Tàu... » và của kinh-điển nhà Phật (tựa sách *Đ. T. N. N.*, quyển dưới) mà làm thành hai cuốn *Đông tây ngụ ngôn* đó.

4. *Truyền bá tinh hoa của nền học thuật đông phương.* — Ở xứ ta, từ khi nho học tàn tạ, các bạn hậu tiến ít người lần mò được vào tận trong « rừng nho » mà thưởng-thức những hoa thơm, cây đẹp ! Nên chi, cái nạn « mất gốc » không phải là không nguy hiểm.

Đứng trung gian làm việc giới thiệu với các bạn trẻ những tư tưởng của hiền triết đông phương, tiên-sinh cùng ông Tĩnh Trai Trần Lê Nhân đã lần lượt cho ra được hai cuốn sách : *Cổ học tinh hoa*, quyển nhất và quyển nhì. Trong đó chọn dịch những tiết hay, đoạn đẹp ở các Kinh, Truyện, Sử, Tư, rồi chú thích và phê bình để đi đến cái đích « tồn cổ » bằng cách « thu nhặt những cái tinh hoa của cổ học » (tựa sách *C. H. T. H* quyển nhì).

Việc làm này đối với nền đức dục của phái thanh niên không phải không bổ ích. Đây, xin các bạn thử nghe mấy câu trong « nhời bàn » của sách ấy : « ... Ở đời đã kiên tâm không còn việc gì khó nữa, thì chuyên tâm cũng không có việc gì là không học được ». (*C. H. T. H* quyển nhì, trang 71). Và : « ... lúc ta đã ra làm được việc cho nước, là chính lúc thân ta thuộc về quốc gia, ta há lại còn tiếc mà không làm cho trọn vẹn nghĩa vụ của ta đối với quốc gia hay sao ? » (*nhời bàn* ở sách trên, trang 66).

Nói tóm, trong 52 năm đi trên đường đời, Ôn Như tiên sinh đã in được những dấu vết đáng cho người ta ghi nhớ. Cuộc đời lý tưởng ấy đã được phô bày, chẳng nhiều thì ít, trên những trang giấy trắng mực đen. Tiếc rằng con ma bệnh ác nghiệt kia chưa chi đã vội cướp mất nhà học giả của chúng ta, khiến cho đời trước thuật (1) của tiên sinh đến đây đã phải chấm hết !

Trước cái tang chung của văn học giới Việt nam, Tri Tân đồng nhân chúng tôi xin nghiêng mình kính chào một bậc đàn anh đã góp công vào cuộc tiến hóa chung của đất nước.

SONG CỐI

1) Những sách của Ôn-Như tiên sinh hoặc ở Việt văn thư xã, hoặc ở Cổ kim thư xã đều do Vĩnh hưng long thư-quán, 49-51 Hàng Đường Hà nội, xuất bản. Nghe nói tiên sinh còn nhiều di-văn đương in hoặc chưa in.

Quân-cảng...

Tiếp theo trang 10

Nam-Phi, Đông-Phi, Ba-lan, Hong-kong, Tân-gia-ba và các tỉnh Ấn-độ.

Họp trong vòng một tháng, hội-nghị mới tuyên-bố quyết-nghị, được Phó vương Ấn-độ ưng chuẩn và nội-các Anh duyệt-y.

Theo như quyết-nghị, các thuộc-quốc Anh tại miền nam kênh đào Suez và tại Viễn-đông phải mở nhiều xưởng chế-tạo khí cụ đủ cung cho việc phòng-thủ bản-xứ, không cần đến chính-quốc giúp đỡ, nếu một khi đường giao thông bị đình trệ do sự bế-tắc của hai cửa bể Địa-trung-hải. Ngoài ra, cần phải khuyếch-trương nền kỹ-nghệ chiến-tranh, để khi cần, có thể giúp khí giới cho các thuộc-quốc Anh tại Viễn-đông bị công-kích.

Hiện nay, các đất đai của Anh tại Thái-bình-dương và Á-châu lần-lượt đã lọt vào tay Nhật-bản, còn trơ lại xứ Ấn-độ và Úc-đại-lợi.

Hai xứ này đương lo phòng-thủ rất gấp, vì vận mệnh hai xứ này có quan hệ mật-thiết đến sự còn mất của kênh đào Suez ! Mà số phận Suez cũng như số phận Gibraltar lại rất ảnh hưởng đến cuộc thắng bại sau này của Anh.

Cho nên Gibraltar không thể không kiến-thiết cho vững-vàng để giữ vững địa-vị quan-trọng vốn có từ lâu trên trường quốc-tế...

NHẬT-NHAM

Bia Văn-miếu

Những ông nghè triều Lê

Số 18 Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

KHOA thi này (quí-mùi, Quang-thuận thứ tư, 1463) là khoa thứ nhất trong buổi trung-hưng, được nhiều người giỏi, rực-rỡ hơn xưa, lần lượt bổ dàng, khắp cả trong ngoài : người thì coi việc lễ-nhạc, kẻ thì giữ việc từ-hàn, nhiều như xâu cá đàn ve ; người thì giữ chức phiên-tuyên, kẻ thì cầm quyền thú-lệnh, chen vai nối gót.

« Quẻ Thái (trong kinh *Dịch*) chép : « Nhổ cỏ nhổ cả cụm vì là cùng loài » ; nhà Chu (đời Văn-vương) được nhiều kẻ cát-sĩ bởi người quân-tử dạy bảo. (Hai câu tỉ dụ ấy đối với việc đặt khoa thi này) cũng nói về việc đời thịnh : (nước ta được như thế chính là giời cho đứng thánh-thượng cái điềm văn-minh nghìn muôn năm).

« Đến nay chế-độ văn-vật có trật-tự rõ-ràng, khắc vào đá tốt, dựng ở nhà Quốc-học ; một là làm phép hay cho đời thịnh, hai là làm vinh-quang cho hiền-sĩ, bảo rõ đời Ấu, ngụ ý khuyến-khích.

« Học-trò may được khắc tên lên bia đá này, phải theo danh-nghĩa, làm đúng sự thực, sửa đức hạnh, yên phận mình, bắt chước tính giữ-gìn như Văn-hiến, đừng theo khúc-học như Công-tôn ; đức thanh liêm phải như Triệu-duyệt-Đạo, tiết cương-trực phải như Phạm-cảnh-Nhân ; ở chức thị-tụng thì nghĩ làm thế nào mà dâng được những mưu-chước hay ; nhậm chức kỷ-cương thì nghĩ làm thế nào cho trong sạch gò chính ; giữ chức địa-phương thì nghĩ làm sao cho tỏ đức vua mà thấu tình dân ; giữ quyền sô-mục thì nghĩ làm sao cho đầy đủ dân-sinh mà bền gốc nước ; ngõ hầu trên không phụ cái ý tốt của triều-đình ban khen, dưới không phụ cái lòng hoài-bão của mình khi bình-sinh định báo đền giúp đỡ để tiếng khen mãi mãi, lưu tiếng thơm không cùng, khiến người đời sau xem bia đá này, chỉ tên mà nói rằng : « Người này hết trung với nước ; người này có ơn với dân ; người này đạo-nghĩa ngay-thẳng ; người này công-đức vẻ-vang » : may ra mới có những người như thế.

« Nếu không thì người ta mục cho rằng : « Đồ gian tà, tuồng bạc-hạnh, quân hèn-nhát ! » có thanh-nghị rõ-ràng, nên chẳng cẩn-thận ru !

Ấy mới biết đức Thánh-thiên-tử khen ngợi sâu-xa, trông-mong rất mực, sùng-thượng khuyến-khích, hơn cả xưa nay, bởi muốn được kẻ chân-nho giúp trị để lưu-truyền các mưu hay cho con cháu ngày sau.

« Vậy thì việc khắc bia đề tên, không những là việc hay cho quốc-gia ức muôn năm không cùng, lại là cái phúc cho con thanh cháu thần ức muôn năm không cùng.

« Tôi kính-cẩn làm bài ký này.

« Hiền-cung đại-phu Hàn-lâm-viện thị-giảng đồng-các hiệu-thư Đào-Cử phụng sắc soạn. — Cần-sự-lang trung-thư giám-chính-tự Nguyễn-Tủng phụng sắc thư. — Mậu-lâm-lang Kim-quang-môn đãi-chiếu Tô-Ngại phụng sắc triện

« Bia dựng ngày rằm tháng tám, năm Hồng-đức thứ mười lăm (1484) của nước Hoàng-Việt »

Ông Đào-Cử soạn bài bia trên kia là người xã Thuần-khang, huyện Siêu-loại, tỉnh Bắc-ninh. Đổi tên là Thuấn-Cử. Mười tám tuổi đỗ đồng-tiến-sĩ năm Quang-thuận bính-tuất (1466). Năm đinh-hợi (1467) đương chức tri-huyện, thi đỗ khoa hoành-từ, vâng mệnh vào đọc sách ở viện Bí-giám, thăng Hàn-lâm thị-chế, rồi thăng Tri-chế-cáo. Mùa hè năm bính-thân (1476) thăng Đông-các hiệu-thư. Mùa thu năm nhâm-dần (1482) theo vua Lê Thánh-Tôn (1460-1497) đi tây-chinh, thăng Hàn-lâm-viện thi-độc Cùng với Đại-học-sĩ là Thân-nhân-Trung vâng mệnh làm quyển *Thiên-Nam dư-hạ tập* và chép việc vua Thánh-Tôn thân đi đánh dẹp Mùa xuân năm mậu-thân (1488) xét xứng-đáng chức-vụ, vua cho làm Đông-các học-sĩ. Quyển *Lịch-triều hiến-chương loại-chí* của ông Phan-huy-Chú (quyển 7 tờ 22 b) khen ông Đào-Cử « văn-chương thảo-lí, vua rất trọng là người có khí-vũ, đãi gần bằng họ Thân (Nhân-Trung) họ Đỗ (Nhuận), thường cho họa bài thơ *Lương-giang-dạ-hứng* và sai đọc tập *Cổ-tâm bách-vịnh thi-tập* (có chỗ chép là *Ngôn-tâm bách-vịnh thi-tập*). « Quyển *Toàn-Việt thi-lục* của ông Lê-quý-Đôn (quyển 11, tờ 18 a) chép vua Lê Thánh-Tôn « sai ông Đào-Cử soạn bài hậu-tự (bài bạt) quyển *Quỳnh-uyển cửu-ca* ». *Toàn-Việt thi-lục* còn sao lại mười bài thơ cận-thể của ông về động Lục-vân, sông Thiên-vực, châu Thủy-ái, v. v. Ông làm quan đến Hộ-bộ thượng-thư, coi cục Tú-lâm ở Sùng-văn-quán. Mất khoảng năm Cảnh-thống (1498-1501). Anh là Đào-chính-Kỷ cũng đỗ hoàng-giáp : anh em làm quan cùng triều.

Còn nữa

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

SÁCH CỦA NHẬT-NHAM

Trịnh-Như-Tấu :

1 — Hưng yên địa chí Op.80
2 — Bắc giang địa chí 1.50
3 — Trịnh gia chính phả 0.40

Đều có bán tại Đông Tây thư quán
193 Phố Hàng Bông — Hanoi

Một nghĩa-sĩ ở đời Trần-mạt

ĐỌC SỬ, ai là người không nhận thấy : đối với một quốc-gia, những giờ gian-lao chính là lúc anh-hùng xuất-hiện, và bao nhiêu bước khó-khăn là bấy nhiêu dịp thử-thách can-trường dân nước ?

Nạn Mông-cổ đã làm tỏ rạng lòng ái-quốc bồng-bột của đức Trần hưng-Đạo : đem tài thao-lược phá tan mấy mươi vạn hùng-binh *« chỉ sông sông cạn, chỉ núi núi tan »* của giặc Nguyên, một giống-nòi thượng-võ mà khắp các dân-tộc từ Á sang Âu đều khiếp vía.

. . . Đó là hạng đã có cái may-mắn trông thấy chí-nguyện bình-sinh của mình được thực-hiện ; được người đương thời hoan-hô, và hưởng lòng sùng-bái của hậu-thế.

Nhưng ở bên hạng ấy, còn biết bao người nghĩa-khí trung-can không kém, song chỉ vì thời-thế, vì hoàn-cảnh, mà *nợ nước chưa đền, đầu đã bạc*, hoặc hơn nữa, sa-cơ rơi vào tay kẻ địch, rồi đành mang hận nghìn thu ?

Đứng vào hạng sau này, có ông Nguyễn-Biểu, mà tôi nói đến hôm nay.

Ông, người xã Bà-hồ, huyện Chi-la, tức xã Yên-hồ, phủ Đức-thọ, tỉnh Hà-tịnh ngày nay, đậu thái-học-sinh cuối đời nhà Trần, làm quan đến chức Điện-tiền thị-ngự-sử

Hồi đó, ở bên ta xảy việc họ Hồ tiếm-vị Vua Tàu Minh Thành-Tổ (1403 1424) mượn tiếng chinh-phạt kẻ thoán-nghịch và khôi-phục nhà Trần, sai Trương-Phụ đem quân tràn sang nước ta. Sau khi bắt được cha con họ Hồ (1400-1407), quân Minh thực-hành chính-sách thôn-tính đất Việt, chia thành quận-huyện, đặt dưới quyền cai-trị của người Tàu. Vào khoảng năm 1413, Phụ kéo binh-mã chiếm-cứ miền Nghệ-an.

Bấy giờ vua Trần Qui-Khoách, niên-hiệu Trùng-Quang (1409-1413), đương tạm lánh ở đất Hóa-châu. Biết mình quân ít thế cô, ngài đành lựa người đi sứ cầu-phong với quân thù Ông Nguyễn-Biểu khảng-khái nhận lấy cái chức-trách nặng-nề đó. Lúc ông lên đường, nhà vua cảm lòng trung-nghĩa của ông, ngự-chế một bài thơ quốc-âm tiễn-biệt :

Mấy vần thơ cũ ngợi Hoàng-hoa,
Trân-trọng rày nhân mở khúc ca.
Chiếu phượng vài hàng tơ cặn-kẽ,
Vó câu ngàn dặm tuyết xông-pha.
Tang-bồng đã bấm lòng khi trẻ,
Khương quế thêm cay tính tuổi già.
Việc nước một mai công ngỡ vẹn,
Các Lân danh-tiếng rọi lâu xa.

Đến Nghệ-an, ông bị quân Minh giữ lại ; ông vào, Phụ truyền ông với lạy : nhưng ông không chịu khuất, vẫn đi đứng ngang-nhiên, chẳng hề khúm-núm trước những câu hỏi ngạo-nghễ và khinh-thường của Phụ, ông trả lời hùng-hồn và đanh-thép.

Để thử gan ông, Phụ dùng một kế cực-kỳ dã-man : y sai người đon cho ông một mâm cơm, trên đó, nổi lềnh-bềnh trong một bát canh, một chiếc đầu người chín nục ! Không hề nao-núng ông thò đũa khều hai con mắt, chấm vào giấm ăn một cách ngon-lành, và buột miệng kêu : « Mấy khi ta được xơi thịt người Ngô ! »

Phụ bất-bình, nhưng trong thâm-tâm cũng kiêng-nể cái khí-phách hiên ngang của ông, nên sau rốt đành thả cho ông đi. Ông ung-dung bước khỏi hang-hùm

Tầm nguyên Từ-điển

của LÊ VĂN HÒE

Tựa của NGUYỄN VĂN NGỌC, TRẦN TRỌNG KIM

Giá 2p80

« . . . Ce n'a pas été de faire de son dictionnaire un trop grand éloge que de l'appeler un bon instrument de travail . A ceux qui mierd eat les progrès réalisés dans la lexicographie annamite depuis le jour où Paulus Của publiait son dictionnaire Đại-Nam Quốc âm tự-vị on pourrait hardiment opposer le nouvel ouvrage de M Lê văn Hòe

Ưng-hòe NGUYỄN VĂN TỐ
Annam Nouveau du 22-3-42

Thư và ngân phiếu đề

M. LÊ VĂN-HOÈ giám-đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ, *16bis Tiên Tsin* **HANOI**

và xăm-xăm theo nẻo cầu Lam thẳng tiến...

Chính lúc ông đương giong-ruổi đường trường, thì ở dưới trướng Phụ, có tên hàng-thần Phan-Liêu, muốn tâng công, bèn xui tướng giặc sai người đón đường hãm-hại, vì, nó bảo, để ông đi, khác nào thả cọp về rừng.

Thế là, như một người tù-tội, ông bị bắt giải về. Biết trước số-phận mình, khi trở lại chiếc cầu bảy dịp vượt sông Lam, ông dùng móng tay gạch vào cột cầu tám chữ : *« Thất nguyệt sơ nhất nhật, Nguyễn-Biều tử »* (ngày mồng một tháng bảy, Nguyễn-Biều chết)

Lần này, đến trước quân dinh, lòng phẫn-uất của ông càng bồng-bột Tròn xoe đôi mắt, ông chỉ vào mặt Phụ, chửi mắng om sòm : « Chúng mày là một lũ giặc dã - man tàn - bạo ! Ngoài miệng, thì giả danh nhân nghĩa, bảo là dẹp Nguy Hồ để lập lại con cháu nhà Trần, mà thực ra chỉ lăm-le xâm lấn ; mấy năm nay, chúng mày cướp bóc của-cải, tàn-hại lương-dân không biết chừng nào ! Này ta bảo trước : thân ta dầu thịt nát xương tan, nhưng tinh-thần ta chưa chết Chúng mày liệu hồn, kẻo có ngày không còn mảnh giáp ! »

Phụ đùng-đùng nổi giận, rồi một tiếng truyền đao-phủ, thế là bậc nghĩa-sĩ có tấm gan sắt đá, đã thành người nghìn xưa !

Sau khi ông bị hại, Phụ đem di-hài mai-táng ở quê-hương ông ; tại đó, hiện còn lăng-miếu. và người sau đã ca-ngợi cái khí-tiết của ông trong mấy câu thơ cảm-khái :

. . . . . .

Năng tẫm nhân đầu năng tẫm Phụ ;
Thượng tồn ngô thiệt, thượng tồn Trần.
Nhất thanh mạ tặc kinh thiên địa,
Bát tự đề kiều khấp quỉ thần.

. . . . . .

Tạm dịch :

. . . Hay nuốt đầu người, hay nuốt Phụ ;
Hãy còn tấc lưỡi, hãy còn Trần.
Một lời mắng giặc kinh giời đất ;
Tám chữ đề cầu cảm quỉ thần ..

THANH-KHÊ

Để viết bài này, tôi đã sưu tầm tài-liệu trong những tập *Hà-tĩnh địa-dư chí, Hà-tĩnh phong-thổ-ký, Đức-thọ phong-thổ-ký, Việt-nam sử lược*. và tôi đã hỏi lại người xã Yên-hồ, quê-hương của ông Nguyễn Biều. — T. K.

VÌ NHIỀU BẠN ĐỌC YÊU CẦU :

Bắt đầu từ 1er Mai 1942

Báo THANH-NGHỊ

(Do một nhóm thanh-niên tri-thức, gồm có các giáo-sư, luật-sư, bác-sĩ, dược-sĩ cùng các họa-sĩ và văn-gia có danh tiếng trong nước) ra mỗi tháng 2 kỳ vào ngày 1er và 16

Trong số 1er Mai có những bài :

Lập biến — *Phan-Anh*
Ấn độ (kinh tế và chính trị) — *Vũ Đình-Hiền*
Mặt giời mọc giữa ban đêm ở Pháp — *Ng. Như Kontum*
Vấn đề đi vay đối với dân quê — *Vũ Đình-Hòe*
Quan niệm bài thơ *Đoàn phú Tứ* — *Phạm v. Hạnh*
Công cuộc bảo vệ hài nhi ở các nước — *Ng x Xanh bà Phan-Anh*
Vấn đề hồi môn — *Phan-Mỹ*
Kỷ niệm Phan-thiết — *Đinh Gia-Trinh*
Âm nhạc Iỡi hát ả đào — *Nguyễn Xuân-Khoát*
Đạo nghị định mới về luật thuê nhà — *Đỗ Xuân-Sảng*
Sự quan hệ giữa hai học thuyết : Lão và Khổng — *Đặng Thái-Mai*
Công cuộc bài trừ bệnh lao bên Pháp — *Bác-sĩ Trịnh Văn-Tuất*
Lược khảo về khoa thi hội năm Duy-Tân thứ bảy — *Nguyễn Văn-Huyên*
Một nhà toán học có tiếng : ông Cauchy — *Hoàng Xuân-Hãn*

Và những bài về văn chương, mỹ thuật, và khảo cứu của các ông Tô Ngọc Vân, Đỗ Đức Thu, Trần Văn Giáp, Nguyễn Văn Tố, Nguyễn Trọng Phán, các bác sĩ Phan Huy Quát, Trần Văn Bằng, Đặng Huy Lộc v... v...

GIÁ BÁO : Mỗi số 0p 25 3 tháng 1p.50, 6 tháng 2p.80 một năm 5p 40 — Chủ nhiệm Vũ Đình Hòe. —

TÒA BÁO : 102 phố Hàng Bông Hanoi. — Giây nói 672

Săn sóc đến giáo dục của con em, gia đình nào cũng đã mua VĂN MỚI TRẺ EM tờ báo duy nhất ở Đông-Dương, chuyên về nhi đồng giáo dục do các giáo sư và Đoàn-trưởng các đoàn Hướng-đạo chủ trương : Vũ Đình Hòe, Phạm Lợi, Ngô bích San, Lê Huy Vân, Nguyễn Quang Đường.

Sách mới

Bản-chí đã nhận được và xin giới-thiệu :

ÁI - BẮC của Thao - Thao. Ái-Bắc là một thiên anh-hùng ca kỹ-thuật việc đời Trần chống đánh giặc Nguyên bên Tàu Bìa có tranh vẽ, sách dày 112 trang, giá 1p.

Những ngày « lịch-sử » trong tháng Avril

II

16 Avril 1942 thứ năm, 2, tháng ba, nhâm-ngọ

Ngày nay năm tân-mùi 1471, vua Lê-Thánh-Tôn đánh được Chiêm-Thành hạ lệnh cho quân sĩ khải hoàn về nước

17 Avril 1942 thứ sáu, 3, tháng ba, nhâm-ngọ

Ngày nay, nam tân dậu, 1861, quân Pháp ha thành Định tường tại Mỹ tho, Nam kỳ

18 Avril 1942, thứ bảy, 4, tháng ba, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm bính tuất, 1886, Trung tướng Warnet giao cả binh-quyền cho quan Toàn quyền Paul Bert.

19 Avril 1942, chủ nhật, 5 tháng ba, nhâm-ngọ

Ngày nay năm bính tuất, 1886 quan Toàn quyền Paul Bert tới Hà-nội..

20 Avril 1942, thứ hai, 6, tháng ba, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm bính tý, 1516, Trần Cao làm chức Điện giám điện Thuần mỹ đời vua Lê Tương Dực, cùng đồng đảng khởi nghịch ở làng Quỳnh lâm, huyện Đông triều, Hải dương.

21 Avril 1942, thứ ba, 7, tháng ba, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm kỷ mùi, 1739, quân nhà Lê giao chiến với quân Hoàng Mật ở làng Tước lâm, tỉnh Thanh hóa, Trung kỳ.

22 Avril 1942 thứ tư, 8 tháng ba, nhâm ngọ

Ngày nay, nam nhâm ngọ, 1882 thành Hà nội thất thủ, quan Tổng-đốc Hoàng Diệu tử tiết.

23 Avril 1942, thứ năm, 9 tháng ba, nhâm ngọ

Ngày nay, nam ất hợi, 1875, sứ thần nước Pháp vào triều yết vua Tự Đức và dâng vua Bắc đẩu bội tinh. (grand cordon de la Légion d'Honneur).

24 Avril 1942, thứ sáu, 10, tháng ba, nhâm-ngọ

Ngày nay năm Mậu thìn, 968, vua Đinh Tiên Hoàng lên ngôi.

25 Avril 1942, thứ bảy 11, tháng ba, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm giáp thìn, 257 trước tây lịch, vua Hùng Tuấn vương, tức là vua Hùng thứ 18, đánh nhau với họ Thục thua, nhảy xuống giếng tự tử. Nước Văn lang mất.

26 Avril 1942, chủ nhật, 12, tháng ba, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm giáp thân, 1884, quân Pháp hội binh ở Sơn tây để tiến đánh Hưng hóa, Bắc kỳ.

27 Avril, 1942 thứ hai, 13 tháng ba nhâm ngọ

Ngày nay, năm nhâm tý, 1852, Cố P. Bonnard bị tử hình.

28 Avril 1942, thứ ba, 14, tháng ba, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm nhâm ngọ, 1882, Đại tá Henri Rivière giao trả thành Hà-nội cho quan ta cai-trị

29 Avril 1942, thứ tư, 15 tháng ba, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm mậu dần, 1398, vua Trần thuận Tôn truyền ngôi cho con là Thái tử An, tức là vua thiếu đế, rồi lên núi Đại lại, Thanh hóa Trung kỳ tu tiên.

30 Avril 1942 thứ năm 16 tháng ba, nhâm ngọ

Ngày nay, năm mậu ngọ, 1918, vua Khải Định ngự ra Bắc kỳ.

(Hết)

LONG-ĐIỀN

Nghĩa gia-đình

Một nước mà chỉ dựa vào cá-nhân, thì như một tòa lâu-đài chồng đá lên mà không gắn si-moong. Gia-đình làm cốt cho quốc-gia, nên ở đâu mà chỉ thấy cá-nhân nhan-nhản sống đời ích-kỷ, mà đồng bào cùng tuổi hay khác tuổi không liên lạc với nhau, thì ở đó ta cảm thấy một tình thế xao-xuyến, bấp-bênh, ở đó làm gì lập nổi cơ-đồ to lớn.

Sự thái-bình ở đó như đống cát trước trận gió, chớ làm gì được như một tòa lâu-đài xây bằng vôi vữa. Không có gia-đình, họ thay bằng hội, đảng ở những người đồng-nghiệp, nhưng dù sao, trong nước vẫn thấy một không khí khó chịu bởi chưng sợi giây gia đình cốt nhục đã buông lỏng rồi.

Vì gia đình là một « nhóm tự-nhiên » mà lòng vong kỷ như một sự bẩm sinh. Đâu có tinh thần gia-đình, đó có tinh thần công dân, vì đã yêu nhà mình tất phải nghĩ tới nhà khác, và hết cả các nhà trong một nước.

Kẻ đó mới thực là người công-dân, và biết yêu gia đình. Kẻ đó có thể sống lâu như Bành-tổ mà vẫn giữ sinh lực, vì cái nghĩa tôn-tộc kéo dài ra đời đời, vì gia đình chẳng phải chỉ là cha mẹ, anh em *bây giờ, nó bao-hàm sự tưởng nhớ đời trước, mối hi vọng đời sau.*

Trong một nước, trong gia-đình, dân không thể hiển loạn, ngạo-nghịch. Trước khi làm, kẻ đó phải suy tính sự xảy ra. Hẳn có thể làm, nhưng đó là phần ít, mà một khi đã nghĩ chín thì hẳn cứ kiên nhẫn vững tâm mà làm.

Chớ có bảo gia đình làm xiềng xích cho sự phát triển tài năng của cá nhân. Ai chẳng phải nhờ sự dìu dắt: đứa trẻ sơ sinh, nhờ cha mẹ lớn lên, nhờ huynh trưởng chỉ bảo đưa đường; và ở đâu có sự thân yêu, trông nom thì ở đó mới có những tài-năng phát triển đến chỗ tận thiện tận mỹ.

X.

(dịch theo bài của công-tước de Levis Mirepoix)

THOÁT CUNG VUA MẠC

Số 18

CHU-THIÊN viết

QUẢN kho khúm núm đệ sổ lên trên án thư trước mặt hai nàng, vừa lắng tai nghe tên đầu mục già khai. Rồi hắn lùi về chỗ ghế của hắn, mới đứng lại chắp tay nói :

— Lạy tâu hai vị nữ chúa đại vương, còn thừa nhiều ạ, bẩm giá hai từng ấy cũng đủ.

Hai nàng đương mở sổ kho và bàn nhỏ với nhau, nghe thấy quản kho nói thế, cùng ngẩng đầu lên trông mọi người, và cùng truyền :

— Thế thì cho hóa k ếp tất cả, để ăn cho đủ. Hết, ta lại kiếm...

Lệ-Kim lại cúi xuống mải mở sổ tính Các sản vật chứa trong kho để kê. Liên-Tường truyền lệnh :

— Vậy các anh xuống bảo khắp cho tất cả anh em lâu la sửa-soạn mau tiệc cho kịp họp mặt vào độ cuối Mùi sang Thân đấy nhé

Mọi người đều vâng dạ ran lên, rồi lần lượt lui xuống dãy nhà ngang. Lệ-Kim k ểm-soát xong, gấp sổ lại, nói với Liên-Tường :

— Vóc, lụa đủ chia cho các đầu-mục; vải đủ chia cho các lâu-la nhiều tuổi. Còn tiền chia đều tất cả mỗi người được gần một nén bạc. Còn tiền thừa và các đồ đạc quý giá ta chia cho các đầu-mục.

Liên-Tường mở sổ ra xem lại và gật đầu khen được. Rồi nàng quay hỏi Lệ-Kim :

— Ta phải cho họ ăn uống cả ở đây đông đủ cho vui và để ta dễ bảo họ, chứ ăn loạc-choạc từng lúc, và lề-tề từng đám thì không tiện.

Lệ-Kim vội tiếp :

— Phải, tiểu thư nói rất hay. Ta phải bảo họ ăn uống cả một lúc chứ. Vậy phải bảo quản trại ngay.

Liên-Tường liền đứng lên đánh sáu tiếng cồng. Tên quản trại hấp-tấp chạy lên. Nàng dịu dàng bảo :

— Anh xuống bảo các đầu mục truyền cho các lâu-la phải cùng hội-họp ăn uống một lúc ở trên nhà công-đồng và sân trại cho vui.

Anh nhớ bảo như vậy rồi cho một bọn lên trên này dọn dẹp nhé.

— Lạy tâu hai nữ-chúa đại-vương, con xin tuân lệnh !

Quản trại nói xong, lặng-lẽ lui xuống. Hai nàng cũng cùng đứng dậy vào phòng nghỉ-ngơi và ăn điểm tâm.

Chiều hôm ấy tất cả hơn chín trăm lâu-la đều tụ-tập cả ở sân trại. Các đầu-mục đàn-anh được mời vào ngồi ở nhà công-đồng. Thấy tiếng ồn-ào dày đặc của hàng nghìn con người đang rì-rầm nói chuyện ở sân ngoài, hai nàng liền đi ra để ủy-lạo bọn thuộc-hạ, trước khi cho họ dự tiệc. Một con hầu gái đánh ba tiếng cồng. Đâu đấy đều im bặt. Mọi người đều đứng ngay lại hàng-ngũ. Một con hầu khác vác loa ra hô to :

— Nữ-chúa miễn lễ !

Rồi hai nàng ra đến nhà công-đồng Hàng nghìn cái đầu đều cúi xuống rồi cùng ngẩng lên một loạt để tung-hô một lúc :

— Hai vị nữ-chúa vạn vạn tuế !

Dứt tiếng hô, trong trại lại im phăng-phắc. Hai nàng không ngồi lên kỷ, quành ngang nhà công-đồng, tiến ra hè, đứng trông khắp mặt thuộc hạ. Rồi mỉm cười, Lệ-Kim nói :

— Hôm nay, nhân một ngày kỷ-niệm, chị em ta muốn anh em đều cùng vui-vẻ ăn uống no say đông-đủ ở đây, để đền lại tấm lòng trung-thành của anh em đối với chị em ta trong bấy lâu nay. Vậy, ban hỏa-đầu đã sửa-soạn cỗ bàn xong chưa, đem lên đây nào !

Trong đám đầu-mục đàn anh có người giơ cao ngọn kiếm lên và hướng về hai nàng mà nói :

— Lạy tâu hai vị nữ-chúa đại vương, nhân ngày nhớ tưởng đến đức sư-phụ của hai đại-vương, hai vị nhân-từ cho cả hàng trại ăn uống, xin hai đại-vương cho phép anh em chúng con được đem đầu vào lễ tạ đức sư-phụ cho phải đạo !

Lệ-Kim cười nói :

— Anh em nghĩ chu-đáo lắm, chị em ta rất cảm kích trong lòng. Lễ kỵ-nhật đức sư-phụ, chị em ta đã cư-hành từ ngọ rồi. Những chiều lòng anh em, ta cho thiết lập ngay bàn thờ ở nhà công-đồng này, nhân tiện để tạ Giời, Đất, Thần-linh một thể. Nhưng cử kỳ đại-khai thoi đây, không được giềnh-giang đủ nghi-thức mà mất cả thì-giờ.

Mọi người đều vâng. Tức-thì mỗi người một việc, lặng lẽ kính cẩn đi thiết lập bàn thờ, và đem lễ vật lên. Rồi chiêng, trống, âm-nhạc nổi dậy ; các đầu-mục đàn anh chỉnh-tề áo mũ vào hành lễ rất đều-đặn thứ-tự. Tế xong, hai nàng liền sai bưng cỗ lên để quân-gia ăn. Cỗ đặt khắp cả trên nhà công-đồng, ngoài sân trại và suốt đến dưới dãy nhà ngang, thẳng hàng

tăm-tập. Cỗ bày hết lượt rồi, Liên-Tường đứng lên dõng-dạc nói :

— Hôm nay tiết xuân ấm-áp, anh em ngồi cả ở sân này, tuy lộ thiên nhưng mát mẻ và đông đủ mặt cho vui, càng dễ nói chuyện. Thôi anh em cứ theo thứ-tự ngồi vào đi nào !

Hai nàng quay vào nhà công-đồng mời các đầu-mục nâng chén, và cầm đũa. Hai nàng đi đến đâu, mọi người đều kính-cẩn nghe lời ủy-lạo, rồi vui vẻ tung-hô ca-tụng công đức hai nàng. Hết lượt ở nhà công-đồng, hai nàng đi vòng ra sân, dịu-dàng khuyên-nhủ mọi người và cho phép uống rượu. Đợi cho hai nàng trở lại nhà công-đồng, mọi người mới vui vẻ uống rượu và rì rầm nói chuyện. Ai nấy đều tỏ vẻ hân-hoan !

Rượu uống đã hết vò này qua vò khác, trong quân đã dần-dần đượm mùi nhả-nhớt, Liên-Tường và Lệ-Kim liền đi vòng quanh khắp cả các hàng để khích lệ lòng trung-nghĩa và khêu gợi mối từ-tâm thương tiếc trở lại với những tay trộm cướp giết người không tanh ấy ! Sau cùng thấy mọi người đã mủi lòng xúc cảm nhớ đến cố-hương, hai nàng mới nói khích :

— Nhưng mà anh em biết có trung thành mãi được với chị em ta, không ? Hay là rồi lại trống đánh xuôi, kèn thổi ngược, thấy chị em ta là phận gái lại coi thường ?

Mọi người đồng thanh nhao-nhao đáp :

— Bẩm lạy hai nữ chúa đại-vương, hai đại-vương nhân-từ như giời, như bể, lòng thương chúng sinh như nước như non, chúng con xin ở hầu hạ dưới trướng mãn kiếp : đại vương bảo sống, chúng con được sống ; mà bảo chết, chúng con xin cam chịu chết, không dám oán thán gì cả.

Liên-Tường tươi cười nói :

— Ừ nhỉ ! Tỉ ế bây giờ ta bảo các anh em việc này hơi khó, các anh em có dám làm không ?

Mọi người tranh nhau cướp lời thưa :

— Lạy tâu hai vị nữ chúa, việc gì chúng con cũng làm được cả, không dám từ nan gì sốt, dù phải thịt nát xương tan cũng vậy. Có thể mới báo đáp được mảy-may trong ơn tri-ngộ !

Đổi giọng, nàng hỏi gặng :

— Được ! Thế ta hỏi điều này, anh em phải nói cho thực kia nhé ?

Cả bọn lại thi nhau đáp :

— Lạy tâu hai vị nữ-chúa, xin vâng ạ !

Lệ-Kim liền đỡ lời Liên-Tường :

— Những lúc chiều thu hiu-hắt, hay những ngày xuân êm-ả vui-vẻ như thế này, có bao giờ, ừ, có bao giờ, anh em tưởng nhớ đến quê-hương, đến cha mẹ, đến anh em, chị em, đến mọi người thân-thích không ?

Lời nói êm-dịu uyển-chuyển như thấm-thía vào tận đáy lòng, khêu gợi nỗi nhớ-nhung thương-tiếc, nên suốt lượt đều ngồi ngẩn người ra, nước mắt bỗng dưng ràn-rụa. Trong khoảnh-khắc, họ đã chợt nhớ đến hết cả hình-ảnh khi xưa và tự-nhiên thấy thân mình khổ-sở đớn hèn, nên tuôn rơi mấy hàng nước mắt để thương thân xót phận. Một lúc lâu, mới thấy mấy người mạnh-bạo chắp tay cúi đầu sụt-sịt nói :

— Tâu lạy hai vị nữ chúa, chúng con thật quả là đê-tiện và khổ-sở !

Thấy lời nói của mình đã có hiệu lực thấm-thía hầu khắp mặt lâu-la, hai nàng mừng lắm, liền an-ủi họ rằng :

— Nếu biết là mình khổ, tất còn có cơ tự cứu thoát được. Thế bây giờ các anh em có muốn về thăm quê nhà không ?

Cả bọn đều bịn-rịn thưa :

— Lạy tâu hai vị nữ-chúa đại-vương, chúng con vì nghèo khổ, cùng đường mới phải sa vào vòng trộm cướp, có chân đi nhưng không biết đường về. Nương-nau dưới trướng hai đại-vương, cho lần-lựa qua thì, như ơn trên mưa móc bảo toàn chút sống, còn mong gì được về quê quán !

Lệ-Kim liền nghiêm-nghị nói :

— Anh em đã biết nghĩ được thế, tức là Giời còn mở đường sống cho anh em đấy. Nay ta nói thực, chị em ta là phận gái, không thể cùng anh em ở mãi chốn này được. Vậy ta về quê, nên nhân bữa tiệc này, đem lương thực và tiền bạc chia cho anh em, anh em nên nghe lời chị em ta, trở về quê nhà, từ nay nên yên phận làm ăn, bỏ nghề trộm cướp, kẻo một mai quan quân tiến tiễu, thì cái thân sâu kiến giữ sao cho khỏi được lưới Giời ! Lúc đó dẫu hối cũng không kịp nữa !

Bọn lâu-la nghe nói đều cảm kích rập đầu một loạt tâu rằng :

— Trăm lạy hai vị nữ chúa đại-vương, chúng con vì bần-cùng sinh ra đạo-tặc, bấy lâu ở chốn rừng xanh, tội-ác đã nhiều. Nay may nhờ hai vị đại-vương mở lòng hiếu sinh, đem lời vàng ngọc mà khuyên nhủ, tỏ ý nhân từ dắt chúng con ra khỏi con đường gai góc. Từ nay chúng con xin đổi lỗi, an cư lạc nghiệp, cho khỏi phụ tấm lòng thương to như giời, rộng như bể của hai đại-vương đã chỉ bảo cho chúng con.

Hai nàng vui-vẻ đáp :

— Nếu vậy, thì hay lắm. Anh em cứ uống rượu no say đi, rồi sáng mai ta sẽ tính-toán chia cho mỗi người một ít làm vốn.

Rồi nàng quay lại bảo quản trại :

— Quản trại phải cắt quân canh kho và canh trại cho nghiêm-ngặt đấy nhé. Thấy đứa nào khác ý là chém đầu luôn, nghe không !

Quản-trại vâng mệnh. Và ai nấy nghe thấy lệnh trên chu đáo như vậy cũng đều khiếp phục, không dám có tà-tâm gì nữa.

Hôm sau, phân-phát lương-thực và của-cải xong, hai nàng nghiêm-nghị truyền :

— Bây giờ các lâu-la phải cơ nào, ngũ ấy khuân dọn các của-cải và đồ-đạc nào có thể đem đi được cho cả xuống núi. Cấm không đưa nào được gian tham. Trái lệnh, đã có kiếm chém đầu tức khắc. Còn những đầu mục thì mỗi anh phải cầm một bó đuốc đốt trại, đốt khắp mọi chỗ.

Còn nữa

CHU-THIỆN

Hộp thư

Đáp ông Lan-Khai

SAU khi bài bạn Kiều Thanh-Quế phê-bình cuốn « Tội và thương » đã ra (T. T. số 43), chúng tôi có tiếp được bức thư đề ngày 21 Avril 1942 của ông Lan-Khai, « tác-giả » *Tội và thương*, gửi đến phân-trần. Trong thư, ông Lan-Khai tỏ ý « *không đáng chịu* » những lời công-kích ấy, vì ông có *đề trong bản thảo* là « *phỏng theo* một truyện ngắn của Stefan Zweig » Rồi ông phân bua rằng tại « nhà xuất-bản, vì sợ nói là truyện phỏng hoặc dịch, *độc-giả sẽ không hoan-nghênh* » Sau ông lại « *không hiểu*... vì lẽ gì » mà nhà xuất-bản vẫn không «đính-chính» cho ông. Cuối cùng ông có viện chứng rằng « đã được nhiều bạn văn » *của ông* «biết rõ». Những yếu-điểm trong thư ông L. K. là vậy, song chúng tôi xin miễn đăng nguyên văn vì e bạn đọc Tri-Tân có ngài sẽ phê-bình rằng *nếu* nguyên-ủy *quả thật* như thế, sao ông L. K. không giao-hẹn ngay từ khi mới điều-đình cho in sách với nhà xuất bản rằng truyện ấy là ông *phỏng theo*, chứ không phải sáng-tác ; có chịu nhận những điều-kiện như ông muốn thì mới cho xuất bản ? Vì cái « sản-phẩm » ấy dù là *phỏng theo* mặc lòng, song ông vẫn *có quyền trên nó* kia mà.

Và có bạn chắc lại không khỏi phân-vân tự hỏi rằng việc «*phỏng theo* một truyện ngắn của Stefan Zweig » ấy sao cứ phải đợi mãi đến khi có bài phê-bình của bạn Kiều Thanh-Quế mới được thanh minh ?

Mấy lời chân thật, xin ông Lan-Khai lượng thứ cho. Cảm-tạ.

Tòa Soạn.

Tạp trở

Bảy trăm con chó của sở hỏa-xa đức

Sở hỏa-xa lớn bên Đức mới có sáng kiến dùng 700 con chó làm việc như các công chức.

Những chó đó thường dùng để coi các đường sắt và các nơi chứa hàng, cũng có khi để tìm các quân gian-phi đã gây nên án mạng hoặc đã cướp bóc trên các đoàn xe lửa.

Chúng đã giúp được nhiều việc cho sở hỏa-xa nên sở đã thải được một số người làm khá đông mà công việc không được mẫn cán bằng chúng.

Những chó đó thuộc loài chó săn đức nuôi riêng và dạy-dỗ theo sự chỉ bảo của sở. Mỗi ngày chúng cũng phải tới sở như các công-chức thường và phải làm việc 9 giờ một ngày.

(Police magazine)

MANH-PHAN dịch

Các bạn cầu may !

bỏ 1 đồng mua vé số

Đông-Pháp

biết đâu không trúng số độc đắc 10 vạn

Ô mái **Tiến Lợi** *ngon lành*
Và lơ **Tiến Lợi** *nổi danh ở đời*
Bốn trăm linh bẩy Bạch-mai. Hỏi thăm cho đến tận nơi mua dùng

VŨ NGỌC PHAN — HUY CẬN — XUÂN DIỆU — TRỌNG LANG — PHIÊU LINH TÔ HOÀI — TRẦN THANH MẠI — VỊ HỒ — ĐỖ ĐỨC THU — MẠNH PHÚ TƯ và nhiều nhà văn có tài khác trong một nhà xuất bản đứng đắn, đáng tin cậy.

" mới "

57 Phúc Kiến—Hànội

Tất cả tinh hoa của văn chương Việt-nam hiện-đại

THÁNG MAI

KINH CẦU TỰ

tập văn xuôi đầu tiên của HUY CẬN Giá 0p.85

(có in thêm một loại sách đẹp bằng giấy gió và vergé giá 3p 50 một bản các bạn chơi sách, xin gửi tiền về trước).

TIÊU NHIÊN MỊ CƠ

phóng tác của VŨ NGỌC PHAN Giá 1p.25

theo tập Le roman de Tristan et Iseult câu truyện tình hay nhất thế giới của các thời đại.

THÁNG JUIN

Lầm tiền

phóng sự của TRỌNG LANG

Con nhà nghèo

tiểu thuyết của PHIÊU LINH

Nota — Vì số sách in ra chỉ có hạn, nên mỗi tỉnh chỉ để một đại lý độc quyền. Đại lý nào muốn có sách bán, xin kíp viết thư về thương lượng.

Khẩn cáo

Ngài nào mua báo chưa giả tiền xin kíp gửi mandat về cho. Đa tạ trước.

Tri Tân tạp chí

Mai-Lĩnh tu-thư cục

VĂN-HỌC TỦNG THƯ

Văn-học đời Lý	0 80
Văn-học đời Trần	*đương in*

SỬ-HỌC TỦNG THƯ

Triều Tây-Sơn	0.70
Bằng quận công	*đương in*

Y-HỌC TỦNG THƯ

Việt-nam dược học I	0 80
Việt-nam dược học II	0.80
Việt-nam dược học III	0.80

TRIẾT-HỌC TỦNG THƯ

Phê bình Nho-giáo	0 80
Lão-tử	0.80
Vương dương minh	*đương in*

PHỔ-THÔNG TỦNG THƯ

Nhân cách phụ-nữ	
Việt-Nam hiện đại	0 50
Tâm-hồn phụ-nữ	0.50
Nghệ thuật làm mẹ	0 50

Mai-Lĩnh tu-thư cục

Nước ta, muốn cho trình-độ tri-thức ngày một cao hơn, lẽ cố-nhiên là phải có nhiều những sách về học-thuật, về tư-tưởng v. v. bằng quốc-văn để ai ai cũng có thể đọc được ; vì chữ quốc-ngữ ngày nay đã phổ thông trong dân gian nhiều lắm.

Vì mục-đích ấy nên chúng tôi định liên tiếp xuất-bản những sách, hoặc biên-dịch, hoặc trước-tác, bàn và khảo về các vấn-đề văn-học, triết-học, sử-học, y-học, khoa-học, v. v...

Hiện nay bộ biên-tập của chúng tôi hãy tạm chia ra từng ban như sau này :

a) Văn-học — d) Y-học
b) Sử-học — e) Phổ-thông
c) Triết-học — f) Giáo-dục

Mỗi ban chúng tôi giao cho một học-giả, hoặc một nhà văn có tiếng trông nom.

Ngoài những sách do bộ biên tập của chúng tôi soạn, chúng tôi rất hoan nghênh những tác phẩm ở ngoài gửi đến.

Mỗi khi chúng tôi xét ra có thể xuất-bản được chúng tôi sẽ tùy giá-trị từng tác-phẩm mà trả tiền nhuận-bút.

Soạn và in được đầy đủ những loại sách trên rất là công-phu và tốn kém không phải là việc của một người làm nổi, nếu không có quốc-dân ủng-hộ. Vì vậy chúng tôi rất mong ở lòng sốt sáng của đồng-bào, sẽ vì nền học-thuật nước nhà, mà cổ-động và chiếu-cố giúp cho.

THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sương đau mình, trẻ con người lớn uống một gó Thoái-Nhiệt-Tán hiệu Phật 12 tay giá 0p.10.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sinh bệnh đái hạ) dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p.50.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp).

THUỐC « CAI HỒNG-KHÊ »

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p60. ai bị bệnh giang mai uống thuốc giang mai số 11.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục : **75 Phố Hàng Bồ.** *Chi nhánh* **88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.**

Có biếu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨMNANG

để phòng thân và trị bệnh

Imp. spéciale du Tri-Tân — Administrateur-gérant : Dương-Tu-Quán